

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101515686 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 17/07/2009, đăng ký thay đổi lần 11 ngày 20/02/2017)



THANH NAM
GROUP

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định chấp thuận niêm yết số: . . ./..... do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày . . . tháng . . . năm 2017)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

1. CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM

Địa chỉ: Tầng 3, FLC LANDMARK TOWER, Phường Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3787 1397 Fax: (04) 3787 1395

Website: www.thanhnamgroup.com.vn

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Địa chỉ: Số 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04.39343888 Fax: 04.39343 999

Website: www.psi.vn

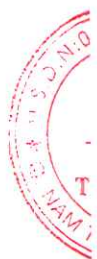
PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: Trần Thị Phương Thúy

Chức vụ: Nhân viên Pháp chế

Điện thoại: 0935 373 745

Fax: (04) 3787 1395



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101515686 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 17/07/2009, đăng ký thay đổi lần 11 ngày 20/02/2017)

Địa chỉ: Tầng 3, FLC LANDMARK TOWER, Phường Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3787 1397 Fax: (04) 3787 1395

Website: www.thanhnamgroup.com.vn



THANH NAM
GROUP

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam
Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu: TNI
Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết: 21.000.000 (Hai mươi một triệu) cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá): 210.000.000.000 đồng (Hai trăm mười tỷ đồng)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA
Địa chỉ: 82 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 043 755 7446 Fax: 043 755 7448
Website: www.uhyaca.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ
Địa chỉ: 18 Lý Thường Kiệt - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Điện thoại: 043 9343 888 Fax: 043 9343 999
Website: www.psi.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	1
1. Rủi ro về kinh tế.....	1
2. Rủi ro về luật pháp.....	3
3. Rủi ro đặc thù.....	3
4. Rủi ro khác.....	4
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	5
1. Tổ chức niêm yết:	5
2. Tổ chức tư vấn:	6
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	6
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	7
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	7
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty	11
3. Cơ cấu cổ đông và Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập	16
3.1. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 20/02/2017.....	16
3.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 20/02/2017.....	16
3.3. Danh sách cổ đông sáng lập.....	17
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Nam, những công ty mà Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Nam đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Nam.	17
5. Hoạt động kinh doanh.....	18
5.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm	18
5.2. Nguyên vật liệu	22
5.3. Chi phí sản xuất	23
5.4. Trình độ công nghệ	24
5.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ	25
5.6. Hoạt động Marketing.....	25
5.7. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	26
5.8. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	26
6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	28
6.1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 - 2016.....	28
6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo.....	29

7.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	31
7.1.	<i>Vị thế của Công ty trong ngành</i>	31
7.2.	<i>Triển vọng phát triển của ngành</i>	33
7.3.	<i>Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách của nhà nước và xu hướng chung của thế giới</i>	33
8.	Chính sách đối với người lao động.....	35
8.1.	<i>Tình hình lao động</i>	35
8.2.	<i>Chính sách đối với người lao động</i>	35
9.	Chính sách cổ tức.....	37
10.	Tình hình hoạt động tài chính.....	37
10.1.	<i>Các chỉ tiêu cơ bản</i>	38
10.2.	<i>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu</i>	43
11.	Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.....	45
12.	Tài sản.....	57
13.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo.....	60
14.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	62
15.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức đăng ký niêm yết.....	63
16.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.....	63
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	63
1.	Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.....	63
2.	Mệnh giá: 10.000 VNĐ/01 cổ phiếu.....	63
3.	Tổng số chứng khoán niêm yết: 21.000.000 cổ phiếu.....	63
4.	Mã chứng khoán: TNI.....	63
5.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng:.....	63
6.	Phương pháp tính giá:.....	64
7.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	66
8.	Các loại thuế liên quan.....	67
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	70
VII.	PHỤ LỤC	71

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Bảng tổng hợp quá trình tăng vốn	8
Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 20/02/2017.....	16
Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty	16
Bảng 4: Cơ cấu doanh thu theo hoạt động kinh doanh	21
Bảng 5: Các nhà cung cấp thường xuyên của Thành Nam Group	23
Bảng 6: Chi phí sản xuất kinh doanh qua các năm	23
Bảng 7: Các Hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết năm 2016 và 2017	26
Bảng 8: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh	28
Bảng 9: Cơ cấu lao động Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2016	35
Bảng 10: Số dư các khoản thuế phải nộp	39
Bảng 11: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty	39
Bảng 12: Chi tiết các khoản phải thu khách hàng của Công ty.....	40
Bảng 13: Chi tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn của Công ty	40
Bảng 14: Chi tiết các khoản phải thu khác của Công ty	41
Bảng 15: Chi tiết các khoản phải trả của Công ty	41
Bảng 16: Chi tiết các khoản phải trả người bán có giá trị lớn của Công ty	42
Bảng 17: Chi tiết các khoản phải trả ngắn hạn khác của Công ty.....	42
Bảng 18: Chi tiết các khoản vay và nợ ngắn hạn của Công ty.....	43
Bảng 19: Các chỉ tiêu tài chính năm 2015 và năm 2016.....	45
Bảng 20: Danh sách thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát.....	45
Bảng 21: Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2015 và 31/12/2016	57
Bảng 22: Giá trị Tài sản dở dang dài hạn.....	58
Bảng 23: Giá trị Bất động sản đầu tư.....	59
Bảng 24: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức Công ty.....	60
Bảng 25: Danh sách cổ đông hạn chế chuyển nhượng.....	63
Bảng 26: Giá trị sổ sách cổ phiếu tại 31/12/2016	64

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

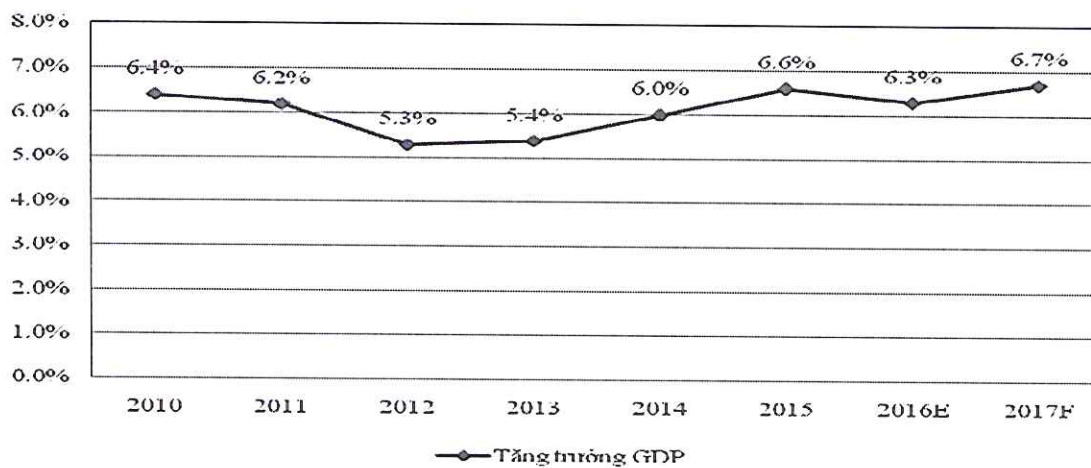
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

1.1. Rủi ro tăng trưởng và lạm phát

Là một công ty trong ngành thép, sự phát triển của công ty phụ thuộc vào sự phát triển của ngành sản xuất thép xây dựng và tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Kinh tế phát triển, tốc độ tăng trưởng ổn định, sức mua gia tăng sẽ kéo theo nhu cầu xây dựng hạ tầng, nhà xưởng phục vụ mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh ngày càng nhiều, qua đó đẩy mạnh cầu về các sản phẩm sắt thép của Công ty. Ngược lại, khi nền kinh tế gặp khó khăn, tốc độ tăng trưởng giảm sút sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến các kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng, vô hình chung sẽ tác động ngược lại đến sự phát triển của ngành thép nói chung và của Công ty nói riêng.

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP 2010 – 2016 và dự báo 2017



Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Bloomberg, Asian Development Bank

Năm 2015 Chính phủ chủ trương tiếp tục thực hiện các chính sách ổn định kinh tế vĩ mô, điều chỉnh giảm lãi suất, đẩy nhanh tiến trình xử lý nợ xấu, đẩy mạnh hoạt động của VAMC – công ty mua, bán nợ nhằm chủ động đưa ra các gói hỗ trợ lãi suất để hỗ trợ các doanh nghiệp. Nhờ đó, tăng trưởng GDP cả năm 2015 đạt mức 6,68%, mức cao nhất trong giai đoạn 2010 – 2015. Mức tăng trưởng này cao hơn mục tiêu 6,2% đề ra và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2014, cho thấy nền kinh tế phục hồi rõ nét. Đóng góp lớn nhất vào mức tăng trưởng chung là khu vực công nghiệp và xây dựng. Khu vực này đóng góp 3,20 điểm phần trăm khi tăng 9,64% trong năm qua, cao hơn nhiều so với mức tăng 6,42% của năm trước.

Bước sang năm 2016, theo thống kê của Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tính tăng 6,21% so với năm 2015, trong đó quý I tăng 5,48%; quý II tăng 5,78%; quý III tăng 6,56%; quý IV tăng 6,68%. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,36%, thấp nhất kể từ năm 2011 trở lại đây, đóng góp 0,22 điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,57%, thấp hơn mức tăng 9,64% của năm trước, đóng góp 2,59 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 6,98%, đóng góp 2,67 điểm phần trăm. Mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mức tăng 6,68% của năm 2015 và không đạt mục tiêu tăng trưởng

6,7% đề ra, nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận, giá cả và thương mại toàn cầu giảm, trong nước gặp nhiều khó khăn do thời tiết, môi trường biến đổi biến phức tạp thì đạt được mức tăng trưởng trên là một thành công. Tuy nhiên, triển vọng kinh tế dài hạn thường có những yếu tố biến động khó xác định. Những biến động trong chỉ số kinh tế vĩ mô sẽ ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế và ngành thép vật liệu, có thể dẫn đến ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn dự báo và đưa ra kế hoạch mua bán hàng phù hợp.

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có thể tác động đến toàn bộ nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Mức lạm phát được kiểm chế theo mục tiêu điều hành tổng hòa kinh tế vĩ mô là cơ sở cho chính sách tài chính tiền tệ nói lỏng trong năm, đồng thời kỳ vọng tỷ suất chi phí lãi suất vay, lãi suất trái phiếu thấp hơn nhằm tăng khả năng tiếp cận nguồn tài chính cần thiết tài trợ cho hoạt động mở rộng qui mô kinh doanh. Với những dấu hiệu cải thiện vĩ mô rõ rệt từ cuối năm 2014 cho đến nay cũng như các định hướng tái cấu trúc nền kinh tế, thoái vốn đầu tư ngoài ngành kinh doanh chính hay việc chú trọng tăng hiệu quả đầu tư công đã mở ra triển vọng đạt được mục tiêu duy trì tăng trưởng ổn định và kiểm chế lạm phát duy trì đến hết năm 2016. Lạm phát năm 2016 là 4,74% dưới mức trần quốc hội đề ra là 5%. Tuy nhiên, lạm phát luôn phụ thuộc vào nhiều yếu tố biến động khó xác định. Trong trường hợp tỷ lệ lạm phát có sự biến động không thuận lợi thì có thể sẽ ảnh hưởng đáng kể đến nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Để hạn chế rủi ro trượt giá, Công ty ký hợp đồng dài hạn với khách hàng trong đó giá cả được điều chỉnh linh hoạt nhằm đảm bảo lượng hàng cung cấp cho đối tác và giá cả cạnh tranh so với thị trường.

1.2. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất xảy ra khi doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng vốn vay từ ngân hàng dẫn đến chi phí đi vay tăng ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong những năm qua, lãi suất trên thị trường biến động không ngừng với nhiều những chính sách được ban hành như thắt chặt chính sách tiền tệ, áp trần lãi suất, hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Sự biến động lãi suất sẽ tác động trực tiếp đến chi phí lãi vay hàng năm của Công ty. Rủi ro thay đổi lãi suất Công ty liên quan đến các khoản vay hoạt động kinh doanh của Công ty tại các tổ chức tín dụng.

Năm 2016, lãi suất huy động tương đối ổn định. Lãi suất huy động 12 tháng bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 6,4%-7,2%/năm. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8%-9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3%-11%/năm đối với trung và dài hạn. Nhìn chung, cơ cấu tín dụng đang tiếp tục theo hướng tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp vừa và nhỏ nhằm hỗ trợ có hiệu quả cho tăng trưởng kinh tế.

Dư nợ tín dụng của Công ty thời điểm 31/12/2016 là 188,6 tỷ đồng bằng 35,66% tổng tài sản, với thực tế lãi suất như trên, Công ty đang tạm thời giải quyết được áp lực về chi phí sử dụng vốn. Tuy nhiên, trong dài hạn để giảm thiểu rủi ro biến động của lãi suất, Công ty luôn theo

đổi chặt chẽ biến động thị trường tiền tệ trong và ngoài nước để dự báo và điều chỉnh kế hoạch dòng tiền phù hợp.

1.3. **Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Trong thời gian qua, để ổn định tỷ giá và thị trường ngoại tệ, Ngân hàng nhà nước đã thay đổi cơ chế tỷ giá và can thiệp sâu vào thị trường ngoại tệ bằng những biện pháp mua bán, duy trì chính sách chênh lệch lãi suất VND và USD nhằm đảm bảo nắm giữ tiền đồng có lợi hơn so với USD. Năm 2016 được xem là năm nhiều biến động, thách thức trong chính sách tiền tệ và chính sách tỷ giá trong bối cảnh USD liên tục tăng đặc biệt sau kết quả bầu cử của Mỹ và Fed điều chỉnh tăng lãi suất. Trước diễn biến trên, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục có những chính sách linh hoạt để hỗ trợ xuất khẩu cũng như bình ổn thị trường ngoại hối: Thực hiện điều chỉnh tăng tỷ giá phù hợp với biến động thị trường từng thời điểm.

Hiện nay, phần lớn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là xuất nhập khẩu thép, nên kết quả kinh doanh có mối liên hệ với biến động tỷ giá hối đoái. Rủi ro tỷ giá đối với Công ty liên quan trực tiếp đến các khoản thanh toán tiền mua thép, các khoản vay tài trợ thương mại xuất nhập khẩu, mở L/C bằng ngoại tệ có thể gây ảnh hưởng đến dòng tiền của Công ty. Để giảm thiểu tác động của rủi ro này, Công ty đã lên kế hoạch quản lý dòng tiền hiệu quả, sử dụng linh hoạt công cụ tài chính như ký các hợp đồng mua bán ngoại tệ có kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi để đề phòng rủi ro biến động tỷ giá trong tương lai.

2. **Rủi ro về luật pháp**

Là Công ty cổ phần do vậy hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp và khi đó sẽ ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường.

Thời gian qua hệ thống luật và văn bản dưới luật đang trong quá trình hoàn thiện theo hướng tích cực và thuận lợi cho doanh nghiệp, giúp cho Công ty có hướng đi đúng và lành mạnh trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Có thể kể đến một số thay đổi đáng kể như sự ra đời của Luật Doanh Nghiệp 2014 hay việc cắt giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp từ 25% xuống còn 22% và 20%, ... Những thay đổi này một mặt tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển lâu dài của Công ty, mặt khác cũng đặt ra các yêu cầu nhằm bảo đảm việc theo sát và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành song song với việc triển khai và mở rộng các hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả.

Để hạn chế những rủi ro trên, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của pháp luật, theo sát các chủ trương của Nhà nước cũng như pháp luật để xây dựng chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp.

3. **Rủi ro đặc thù**

Với đặc thù là doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực thép, thép không gỉ và các dịch vụ gia công cắt tấm, xẻ băng kim loại,... hoạt động của Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Nam chịu ảnh hưởng không nhỏ bởi những rủi ro đặc thù của ngành sản xuất thép.

Rủi ro cạnh tranh

Hiện nay, một vấn đề lớn với các doanh nghiệp thép Việt Nam là áp lực cạnh tranh từ sản phẩm thép giá rẻ nhập khẩu từ Trung Quốc. Từ ngày 01/01/2015, Việt Nam đã tiến hành cắt giảm mạnh thuế quan đối với các sản phẩm ngành thép nhập khẩu từ Trung Quốc và Hàn Quốc theo Hiệp định tự do thương mại ASEAN – Trung Quốc (ACFTA) và Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN – Hàn Quốc (AKFTA). Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, lượng nhập khẩu phôi thép vào Việt Nam tăng liên tục từ khoảng 350.000 tấn năm 2013 lên gần 1,9 triệu tấn năm 2015, tức tăng 440%. Thép dài nhập khẩu từ mức gần 390.000 tấn năm 2012 đã lên gần 1,3 triệu tấn năm 2015, tức tăng 231%. Điều này khiến cho tình trạng cung vượt quá cầu ở một số loại thép trong nước càng trở nên trầm trọng, gây ra áp lực cạnh tranh lớn cho các doanh nghiệp trong nước với sản phẩm thép nhập khẩu từ Trung Quốc.

Năm 2016, trước áp lực của việc lượng thép nhập khẩu từ Trung Quốc vẫn tiếp tục tăng và kiến nghị từ các công ty thép lớn trong nước, Bộ Công thương đã ban hành quyết định áp thuế tự vệ với mặt hàng phôi thép và thép nhập khẩu vào Việt Nam. Theo đó, mức thuế này sẽ có hiệu lực trong vòng 04 năm, tính từ ngày 02/08/2016, phôi thép sẽ phải chịu thuế 23,3% và sẽ giảm 2% sau mỗi năm; thép dài chịu thuế 15,4% và sẽ giảm 1,5% sau mỗi năm. Như vậy, trong thời gian tới, bên cạnh việc phải cạnh tranh với các nhà máy thép trong nước chuẩn bị đi vào hoạt động, các doanh nghiệp thép Việt Nam sẽ tiếp tục phải đối mặt với áp lực cạnh tranh từ thép nhập khẩu, đặc biệt là thép nhập khẩu từ Trung Quốc.

Để tăng khả năng cạnh tranh, Công ty đã chủ động triển khai đổi mới, nâng cao công tác quản trị điều hành, công tác nghiên cứu dự báo thị trường, thường xuyên rà soát, đánh giá khách hàng để đưa ra chính sách giá cả phù hợp đảm bảo cạnh tranh với các nhà cung cấp thép trong nước có tên tuổi và kinh nghiệm lâu năm.

Rủi ro biến động giá

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh thép, chi phí nguyên vật liệu thường chiếm tỷ lệ lớn trong tổng chi phí về giá vốn, chính vì vậy biến động nguyên vật liệu là yếu tố quan trọng, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Đặc biệt đối với các doanh nghiệp thép ở Việt Nam nói chung và Tập đoàn Thành Nam nói riêng, một tỷ trọng lớn hàng của Công ty là nhập khẩu khiến cho doanh nghiệp phải chịu thêm cả rủi ro tỷ giá.

Để hạn chế bất cập này, hiện nay các doanh nghiệp đã cố gắng đàm phán để ký hợp đồng nhập khẩu với điều khoản điều chỉnh ngừa biến động tỷ giá. Tuy nhiên do vị thế thương mại cũng như sản lượng nhập khẩu thấp so với các nước khác trên thế giới, khả năng đạt được các điều khoản có lợi là không cao.

Rủi ro trong hoạt động kinh doanh bất động sản

Từ năm 2015 Công ty bắt đầu gia nhập vào lĩnh vực bất động sản để thu lợi nhuận từ các hoạt động mua bán bất động sản, chờ cơ hội tăng giá. Tuy nhiên, đặc tính đầu tư vào bất động sản thanh khoản thấp, hạn chế khả năng chuyển tải sản thành tiền mặt nhanh của chủ sở hữu, việc thay đổi về thị hiếu của khách hàng đối với loại hình và địa điểm phát triển bất động sản,

dẫn đến dư cung hoặc giảm cầu đối với loại bất động sản cụ thể trên một phân khúc thị trường nhất định.

Kinh doanh bất động sản không phải là hoạt động truyền thống của Công ty, do mới gia nhập kinh doanh bất động sản, nên để giảm rủi ro trong hoạt động kinh doanh này thì các bất động sản đầu tư của Công ty lựa chọn có quy mô nhỏ, vị trí địa lý thuận lợi, tính thanh khoản cao.

4. Rủi ro biến động giá chứng khoán

Việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ đem lại những lợi ích to lớn cho Công ty như: khẳng định uy tín, quảng bá rộng rãi thương hiệu, tăng cường tính thanh khoản, tạo cơ hội cho Công ty huy động vốn để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hướng đến việc chuẩn mực hóa công tác quản trị và điều hành của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro biến động giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là điều không tránh khỏi. Giá chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố, trong đó tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức niêm yết chỉ là một yếu tố tác động. Giá chứng khoán biến động có thể do: cung - cầu cổ phiếu, tình hình kinh tế - xã hội, sự thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư... Sự biến động giá cổ phiếu có thể gây ảnh hưởng đến thương hiệu, giá trị, tâm lý của các khách hàng của Công ty.

Để hạn chế rủi ro biến động cổ phiếu, Công ty không ngừng nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp, thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ kịp thời, cung cấp thông tin trung thực của Công ty tới các nhà đầu tư.

5. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh trong khu vực và trên thế giới đều có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Các bất ổn về kinh tế, xã hội trong khu vực cũng như trên thế giới cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro, Công ty thường thu thập, nắm bắt kịp thời thông tin về những diễn biến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội và thời tiết của Việt Nam cũng như các nước lân cận để lên kế hoạch điều hành Công ty một cách tối ưu, cơ cấu lại quy mô đầu tư của các sản phẩm, dịch vụ mà Công ty đang cung cấp cho phù hợp với nhu cầu của thị trường.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM

Ông Nguyễn Hùng Cường

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bà Đỗ Thị Thanh Hương

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Bà Hà Thị Hải Vân

Chức vụ: Kế toán trưởng

Bà Lê Thị Cẩm Anh

Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Bà: Thái Việt Anh Chức vụ: Phó Giám đốc

(Theo Ủy quyền số 08/UQ-PSI ngày 08/06/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

BCTC	Báo cáo tài chính
BGD	Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam
BKS	Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam
Công ty/Thanh Nam Group	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam
Cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam
CTCP	Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam
Điều lệ	Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam
HDQT	Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam
KTT	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam
Luật số: 70/2006/QH11	Là Luật quy định về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán do Quốc hội thông qua ngày 29/06/2006
SGDCKHCM	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Thành viên chủ chốt	Thành viên HĐQT, BGD, BKS, KTT Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam
Tổ chức niêm yết	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam
Tổ chức tư vấn	Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí
Tổ chức kiểm toán	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA
TSCĐ	Tài sản cố định
Công ty TNHH	Công ty Trách nhiệm Hữu hạn

UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VĐL	Vốn điều lệ
VNĐ	Việt Nam đồng

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

- Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam
- Tên tiếng Anh: Thanh Nam Group Joint Stock Company
- Tên giao dịch viết tắt: Thanh Nam Group



THANH NAM
GROUP

- Nhân hiệu của Công ty:
- Địa chỉ: Tầng 3, FLC LANDMARK TOWER, Phường Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Điện thoại: (04) 3787 1397 Fax: (04) 3787 1395
- Website: www.thanhnamgroup.com.vn
- Vốn điều lệ đăng ký: 210.000.000.000 (Hai trăm mười tỷ) đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 210.000.000.000 (Hai trăm mười tỷ) đồng
- Ngày trở thành công ty đại chúng: Công ty chính thức trở thành Công ty đại chúng vào ngày 29/01/2015 theo Công văn 463/UBCK-QLPH của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101515686 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17/07/2009, đăng ký thay đổi lần 11 ngày 20/02/2017.
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - Buôn bán máy móc, thiết bị vật tư công nghiệp, cơ kim khí và xây dựng;
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Khai thác cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
 - Vận tải hàng hóa;
 - Xây dựng các công trình xây dựng, công nghiệp giao thông;
 - Buôn bán ô tô, xe máy;
 - Đại lý môi giới, đấu giá: Môi giới thương mại; đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa.
 - Kinh doanh dịch vụ khách sạn.
 - Kinh doanh dịch vụ nhà hàng ăn uống
 - Buôn bán các loại sắt thép;
 - Sản xuất, gia công các loại sản phẩm cơ khí

- Sản xuất máy móc, thiết bị vật tư trong lĩnh vực công nghiệp, cơ kim khí và xây dựng.

1.2. Quá trình hình thành, phát triển

Công ty Cổ Phần Tập đoàn Thành Nam tiền thân là Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thành Nam, được thành lập vào ngày 15 tháng 07 năm 2004.

Ban đầu với số vốn điều lệ 500 triệu đồng, số cán bộ nhân viên dưới 10 người, ngành nghề chính là sản xuất, gia công các sản phẩm cơ khí, buôn bán các loại sắt thép, thép không gỉ, kim loại màu, thép đặc chủng, vận tải hàng hóa, đến năm 2009 Thành Nam đã mạnh dạn đầu tư thêm vốn, số vốn điều lệ tăng lên thành 50 tỷ đồng, công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thành Nam chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thành Nam.

Năm 2010, công ty đổi tên thành CTCP Tập đoàn Thành Nam và thực hiện tăng vốn điều lệ lên 70 tỷ đồng.

Năm 2012, trong khi tình hình thị trường trong nước và thế giới gặp rất nhiều khó khăn, CTCP Tập đoàn Thành Nam quyết tâm vượt qua cơn bão khủng hoảng, mạnh dạn đầu tư thêm 30 tỷ đồng, vốn điều lệ lúc này là 100 tỷ đồng, sản phẩm thép của CTCP Tập đoàn Thành Nam đã có mặt ở hơn 20 nước trên thế giới, tập trung chủ lực ở các quốc gia như: Ấn Độ, Ukraine, Nga, Mỹ, Hàn Quốc, Pakistan...

Trải qua gần 14 năm phấn đấu không ngừng, CTCP Tập đoàn Thành Nam từ một doanh nghiệp quy mô nhỏ, có 1 trụ sở tại Hà Nội, nay đã phát triển thêm 03 chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh, Hưng Yên, Bình Dương, sản phẩm Công ty được phân phối rộng khắp cả nước và xuất khẩu tại nhiều quốc gia. Con số đó minh chứng cho sự lớn mạnh không ngừng của công ty và sự cố gắng nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên Công ty. CTCP Tập đoàn Thành Nam sẽ phấn đấu không mệt mỏi để xây dựng công ty ngày một lớn mạnh, mục tiêu đem lại lợi ích tối đa cho đối tác, khách hàng, người tiêu dùng trong nước và quốc tế.

1.3. Quá trình tăng vốn kể từ khi hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần

Cùng với sự phát triển kinh tế xã hội, Công ty ngày càng phát triển mạnh hơn và đã triển khai nhiều dự án lớn. Để đảm bảo nguồn tài chính cho hoạt động của mình, CTCP Tập đoàn Thành Nam đã tăng vốn điều lệ 04 lần từ số vốn ban đầu 50 tỷ đồng lên 210 tỷ đồng như ngày hôm nay. Chi tiết lần tăng vốn điều lệ của Công ty như sau:

Bảng 1: Bảng tổng hợp quá trình tăng vốn

Đơn vị: tỷ đồng

Thời gian	Vốn ĐL phát hành thêm	Vốn ĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
05/2010	20	70	Phát hành riêng lẻ	- Nghị quyết ĐHĐCĐ Số 02/NQ/TN ngày 25 tháng 01 năm 2010 - Biên bản ĐHĐCĐ số 02/BB-ĐHĐCĐ TN ngày 25 tháng 01 năm 2010

				<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết HĐQT số 03/NQ-HĐQT-2010 ngày 26/1/2010 - Thông báo Thay đổi ĐKKD số 2010A/TB-TNG ngày 07/5/2010 - Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103039166 thay đổi lần 01 ngày 17/05/2010
04/2012	30	100	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 27-02/NQ-TNG ngày 27/02/2012 - Biên bản đại hội đồng cổ đông số 27-02/BB-TNG ngày 27/02/2012 - Nghị quyết HĐQT số 27-03/2012/NQ-HĐQT ngày 27/3/2012 - Thông báo thay đổi ĐKKD số 104B/TB-TNG ngày 01/4/2012 - Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103039166 thay đổi lần 04 ngày 13/04/2012
10/2014	100	200	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 23-07/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/07/2014 - Biên bản đại hội đồng cổ đông ngày 23/7/2014 - Nghị quyết HĐQT số 27-09/2014/NQ-HĐQT-TN ngày 27/09/2014 - Thông báo thay đổi ĐKKD số 0310/TB-TN ngày 03/10/2014 - Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0101515686 thay đổi lần 09 ngày 10/10/2014
01/2017	10	210	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ-TN kèm Tờ trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 số 01/TTr-HĐQT-TNG ngày 12/05/2016 - Nghị quyết HĐQT số 04/NQ-HĐQT-TN ngày 16/06/2016 - Công văn số 5220/UBCK-QLCB ngày 10/08/2016 của UBCKNN chấp thuận phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ

				<p>tức của CTCP Tập đoàn Thành Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công văn số 690/UBCK-QLCB ngày 09/02/2017 của UBCKNN chấp thuận báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của TNI - Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0101515686 thay đổi lần 11 ngày 20/02/2017 với vốn điều lệ 210 tỷ đồng
--	--	--	--	---

Lần 1: Chào bán cổ phiếu riêng lẻ, tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ đồng lên 70 tỷ đồng

- Vốn điều lệ ban đầu: 50.000.000.000 đồng (tương đương 5.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)
- Số vốn tăng thêm: 20.000.000.000 đồng (tương đương 2.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)
- Giá phát hành: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần
- Đối tượng phát hành: Đối tác chiến lược
- Ngày hoàn thành đợt phát hành: 10/02/2010
- Hạn chế chuyển nhượng: Số cổ phiếu chào bán cho đối tác chiến lược hạn chế chuyển nhượng 01 năm (1.960.000 cổ phiếu), hạn chế chuyển nhượng 03 năm (40.000 cổ phiếu) kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán
- Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103039166 ngày 17/05/2010 với số vốn điều lệ 70 tỷ đồng

Lần 2: Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn từ 70 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng

- Vốn điều lệ ban đầu: 70.000.000.000 đồng (tương đương 7.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)
- Số vốn tăng thêm: 30.000.000.000 đồng (tương đương 3.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Đối tượng phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Kết thúc đợt phát hành, có 02 cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua và nhận quyền mua của các cổ đông là 1.285.713 cổ phần. Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 27-02/NQ-TNG ngày 27/02/2012, HĐQT được ủy quyền chào bán số cổ phần còn lại.
- Ngày 01/04/2012, Công ty đã chào bán hết 3.000.000 cổ phần nâng vốn điều lệ thực góp lên 100 tỷ đồng.

- Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh số 0103039166 ngày 13/04/2012 với số vốn điều lệ 100 tỷ đồng

Lần 3: Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn từ 100 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng

- Vốn điều lệ ban đầu: 100.000.000.000 đồng (tương đương 10.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)
- Số vốn tăng thêm: 100.000.000.000 đồng (tương đương 10.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Đối tượng phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Kết thúc đợt phát hành, do các cổ đông hiện hữu chỉ đăng ký mua 3.000.000 cổ phần. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 23-07/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/07/2014 cho phép Hội đồng quản trị được ủy quyền chào bán số cổ phần còn lại. Nghị quyết HĐQT số 27-09/2014/NQ-HĐQT-TN ngày 27/09/2014 đã phân phối số lượng 7.000.000 cổ phần chưa bán hết cho 01 cổ đông hiện hữu.
- Ngày 03/10/2014, Công ty đã chào bán hết 10.000.000 cổ phần, nâng vốn điều lệ thực góp lên 200 tỷ đồng.
- Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh số 0101515686 ngày 10/10/2014 với vốn điều lệ 200 tỷ đồng

Lần 4: Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông, tăng vốn từ 200 tỷ đồng lên 210 tỷ đồng

- Vốn điều lệ ban đầu: 200.000.000.000 đồng (tương đương 20.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)
- Số vốn tăng thêm: 10.000.000.000 đồng (tương đương 1.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Đối tượng phát hành: Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông
- Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103039166 ngày 20/02/2017 với số vốn điều lệ 210 tỷ đồng.

1.4. Quá trình mua, bán cổ phiếu quỹ kể từ khi hoạt động dưới hình thức CTCP

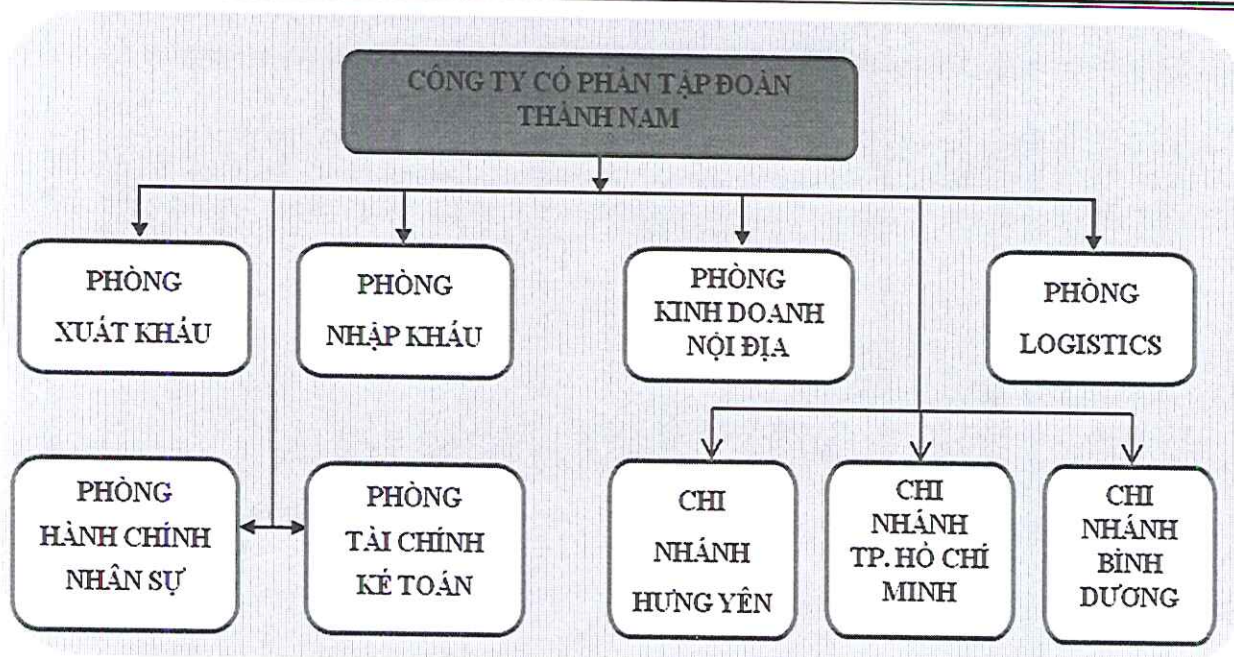
Kể từ khi hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, Công ty chưa tiến hành mua, bán cổ phiếu quỹ.

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

2.1. Cơ cấu tổ chức Công ty

Cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần với sơ đồ như sau:

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức Công ty



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty.

- **Trụ sở chính Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam:**

Địa chỉ: Tầng 3, FLC LANDMARK TOWER, Phường Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: (04) 3787 1396 Fax: (04) 3787 1395

- **Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:**

Địa chỉ: Phòng J8-6, Sky Garden 1, Khu đô thị Phú Mỹ Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (04) 5414 1010 Fax: (04) 5414 1011

- **Chi nhánh Bình Dương:**

Địa chỉ: Số 185, Đường ĐT743, Khu phố Chiêu Liêu, Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại: 065 3785 760

- **Chi nhánh Hưng Yên:**

Địa chỉ: Thôn Tứ Mỹ, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Điện thoại: 03213948167 Fax: 03213948268

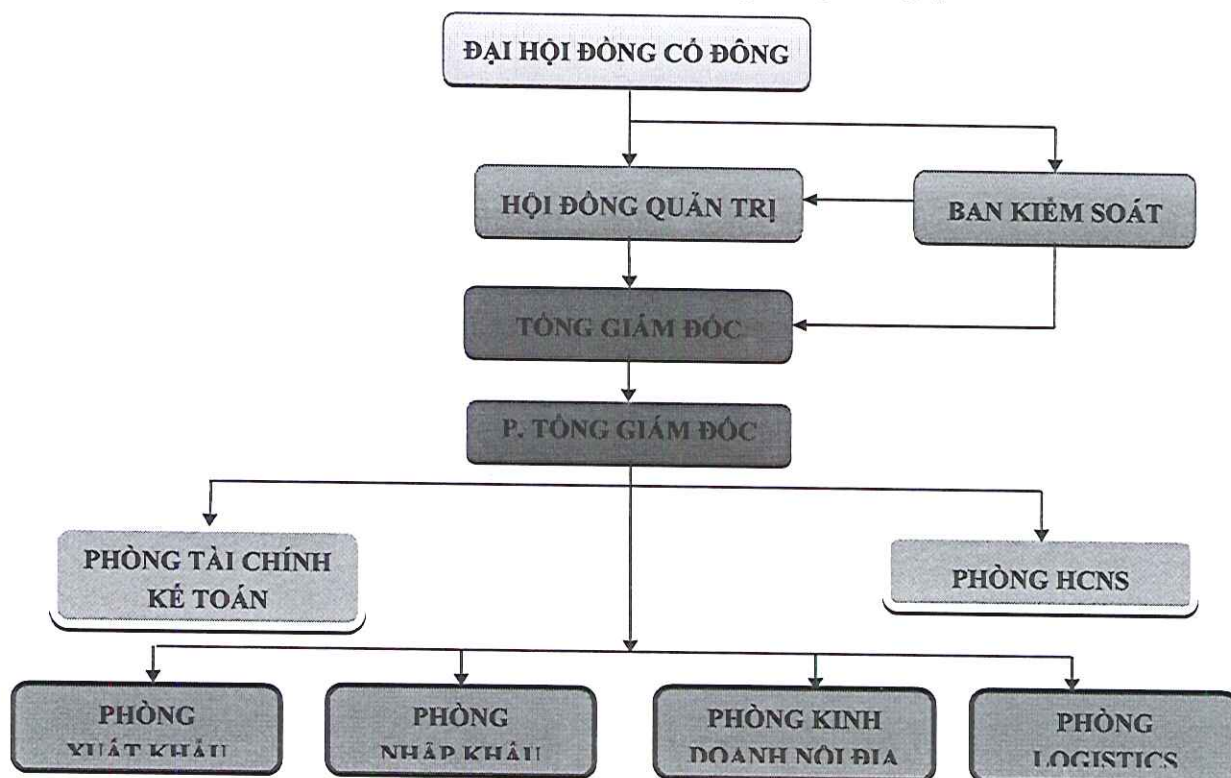
Trụ sở chính của Công ty là nơi đặt văn phòng làm việc của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Công ty, các phòng nghiệp vụ của Công ty gồm: Văn phòng, Phòng Hành chính - Nhân sự, Phòng Tài chính - Kế toán, Phòng Xuất khẩu, Phòng Nhập khẩu, Phòng Logistics,

Các Chi nhánh Của Công ty: Chi nhánh tại Hưng Yên, Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh

Các Chi nhánh Công ty có nhiệm vụ tìm kiếm nguồn khách hàng, duy trì mối quan hệ tốt với khách hàng lâu năm, là đầu mối giao dịch của Công ty tại địa bàn đặt chi nhánh và các vùng lân cận.

2.2. Cơ cấu bộ máy quản lý điều hành

Sơ đồ 2: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý Công ty



▪ **Đại hội đồng cổ đông:**

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam, có quyền và nhiệm vụ:

- Thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án sản xuất kinh doanh, quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- Các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

▪ **Hội đồng quản trị:**

HĐQT là tổ chức quản lý cao nhất của CTCP Tập đoàn Thành Nam do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 01 (một) Chủ tịch Hội đồng quản trị và 04 (bốn) thành viên với nhiệm kỳ là 5 (năm) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Hội đồng quản trị nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

HĐQT có trách nhiệm giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty.

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

Hiện nay, HĐQT công ty gồm các thành viên sau:

- Nguyễn Hùng Cường: Chủ tịch HĐQT
- Đỗ Thị Thanh Hương: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Vũ Thị Thu Hương: Thành viên HĐQT
- Trịnh Văn Đại: Thành viên HĐQT
- Nguyễn Văn Mạnh: Thành viên HĐQT

▪ **Ban Kiểm soát:**

Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam bao gồm 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 (năm) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập BCTC nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Giám đốc.

Hiện nay, Ban Kiểm soát gồm các thành viên sau:

- Lê Thị Cẩm Anh: Trưởng BKS
- Đào Thị Thu Hương: Thành viên BKS
- Hà Thị An: Thành viên BKS.

▪ **Ban Giám đốc:**

Ban Giám đốc của Công ty bao gồm 01 Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc điều hành, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Phó Tổng Giám đốc giúp việc Tổng Giám đốc trong từng lĩnh vực cụ thể và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc được Tổng Giám đốc ủy quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Hiện nay, Ban Giám đốc Công ty gồm các thành viên sau:

- Đỗ Thị Thanh Hương: Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
- Hoàng Hải: Phó Tổng Giám đốc

▪ **Bộ phận kinh doanh**

Bộ phận kinh doanh được chia thành các bộ phận nhỏ thực hiện từng chức năng riêng biệt, bao gồm: Phòng Xuất khẩu, Phòng Nhập khẩu, Phòng Kinh doanh nội địa, Phòng Logistics.

- **Phòng Xuất khẩu :** Chịu trách nhiệm tìm kiếm nguồn khách hàng mới, có trách nhiệm chung trong việc nhận thông báo hàng đến, cập nhật thông tư văn bản mới, thuế suất mới, biểu thuế mới cho các hàng hóa đang xuất.
- **Phòng Nhập khẩu :** Chịu trách nhiệm tìm kiếm nguồn hàng mới, mua toàn bộ nguyên liệu, hàng hóa, máy móc nhập khẩu, có trách nhiệm chung trong việc nhận thông báo hàng đến, cập nhật thông tư văn bản mới, thuế suất mới, biểu thuế mới cho các hàng hóa đang nhập.
- **Phòng Kinh doanh nội địa :** Chịu trách nhiệm tìm kiếm nguồn khách hàng nội địa mới, duy trì mối quan hệ tốt với khách hàng lâu năm, theo dõi tình trạng hàng cho tới khi hàng tới tay khách hàng.
- **Phòng Logistics :** theo dõi toàn bộ đơn hàng của bộ phận từ khi phát sinh đến khi hàng về kho, chất lượng hàng, kiểm tra sau thông quan, Thực hiện việc giao nhận vận chuyển toàn bộ hàng hóa công ty, hoàn thiện chứng từ liên quan
- **Phòng Tài chính Kế toán:**
 - Chịu trách nhiệm về lĩnh vực tài chính kế toán.
 - Phòng có chức năng xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính hàng năm.
 - Tổ chức công tác hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính theo quy định và các báo cáo quản trị theo yêu cầu của Công ty.
 - Thực hiện thu tiền bán hàng, quản lý kho quỹ.
 - Chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc lập hóa đơn chứng từ ban đầu cho công tác hạch toán kế toán.
 - Hướng dẫn, tổng hợp báo cáo thống kê.
- **Phòng Hành chính nhân sự:**
 - Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và các báo cáo thống kê theo quy định và yêu cầu quản trị của Công ty.
 - Đảm nhận và chịu trách nhiệm trong công tác tham mưu xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, quy hoạch cán bộ;
 - Lập kế hoạch đào tạo và tuyển dụng lao động, tham mưu cho Ban Tổng giám đốc quyết định quy chế trả lương, thưởng.
 - Thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật và quy chế của Công ty;
 - Theo dõi, giám sát việc chấp hành nội quy lao động, nội quy, quy chế của Công ty và thực hiện công tác kỷ luật.

**3. Cơ cấu cổ đông và Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty;
Danh sách cổ đông sáng lập**

3.1. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 20/02/2017

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 20/02/2017

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	324	21.000.000	100%
1	Cá nhân	323	19.950.000	95%
2	Tổ chức	01	1.050.000	5%
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
	TỔNG CỘNG	324	21.000.000	100%

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 20/02/2017 do VSD cung cấp)

3.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 20/02/2017

Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

STT	Họ tên	CMND/ GCNĐKDN	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	Số 148/GCNTVLK	Tầng M-3-7, Số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội	1.050.000	5%
2	Đỗ Thị Thanh Hương	Số 001178000831 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 18/10/2013	Số nhà 12A tầng 3 tòa R2A Royal City, 72A đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội	1.089.900	5,19%
3	Vũ Thị Thu Hương	Số 030181000030 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 01/07/2013	Phòng 1402 A, chung cư FLC, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	1.231.300	5,86%
4	Nguyễn Hùng Cường	Số 011077000526	Phòng 1402 A,	1.392.400	6,63%

		do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 01/07/2013	chung cư FLC, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội		
Tổng cộng				4.763.600	22,68%

3.3. Danh sách cổ đông sáng lập

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 20/02/2017, cổ đông sáng lập của Công ty bao gồm:

TT	Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ hiện tại	Tỷ lệ (%)
1	Trần Minh Hoan	P1512, CT4, khu Mỹ Đình II, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội	0	0%
2	Trần Thị Thái	Thôn Phú Mỹ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội	0	0%
3	Nguyễn Hùng Cường	Thôn Phú Mỹ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội	1.392.400	6,63%
TỔNG CỘNG			1.392.400	6,63%

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014, cổ phần của cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 27/02/2009. Do đó, đến thời điểm lập Bản cáo bạch này, cổ phần của cổ đông sáng lập của Công ty không còn bị hạn chế chuyển nhượng.

Trong quá trình hoạt động, các cổ đông sáng lập đã chuyển nhượng cổ phần cho các cổ đông khác. Do vậy, tính đến ngày 20/02/2017, ngoại trừ ông Nguyễn Hùng Cường còn nắm giữ 1.392.400 cổ phần, các cổ đông sáng lập khác không còn nắm giữ cổ phần của Tập đoàn Thành Nam.

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Nam, những công ty mà Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Nam đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Nam.

- Công ty mẹ: Không có
- Công ty con: Không có
- Công ty mà Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có

- Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam: Không có

5. Hoạt động kinh doanh

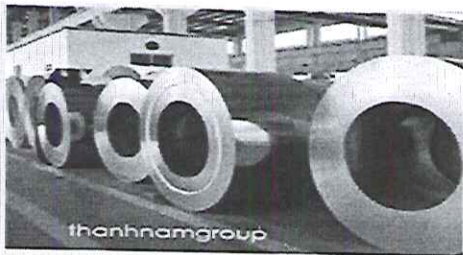
5.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

5.1.1. Sản phẩm, dịch vụ

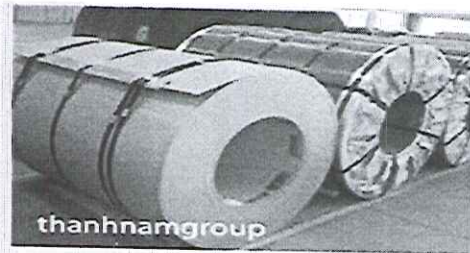
Thành Nam có hoạt động chính là thương mại, chuyên cung cấp các sản phẩm inox dạng tấm, cuộn, ống với nhiều chủng loại và đặc điểm kỹ thuật đa dạng.

a) Các sản phẩm chính của Công ty phân phối

- Inox cán nóng: Dạng cuộn AISI-SUS 304; dạng cuộn AISI-SUS 316-316L; dạng cuộn AISI-SUS 309, 310, 321; inox cán nóng loại 2 dạng tấm, cuộn seri 300



Inox cán nóng dạng cuộn SUS/ AISI 304



Inox cán nóng dạng cuộn SUS/ AISI 316/ 316L



Inox cán nóng dạng cuộn SUS/ AISI 309, 310, 321...



Inox cán nóng loại 2 dạng tấm

- Inox cán nguội: Dạng cuộn AISI-SUS 304; dạng cuộn AISI-SUS 430; dạng cuộn AISI-SUS 316-316L; dạng cuộn AISI-SUS 201-202; inox đánh xước, đánh sọc No.4; inox cán nguội loại 2 tấm – cuộn - ống AISI-SUS 200, 300, 400....

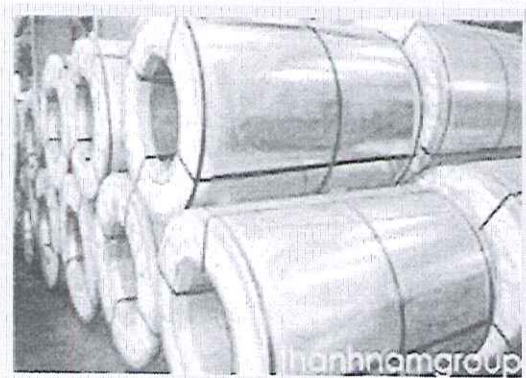


Inox cán nóng dạng cuộn SUS/ AISI 304

Inox cán nóng dạng cuộn SUS/ AISI 304



Inox cán nóng dạng cuộn SUS/ AISI 316/ 316L



Inox cán nguội dạng cuộn SUS/ AISI 430



Inox cán nguội dạng cuộn SUS/ AISI 201/202

- Ống inox trang trí: Ống inox 304 (8%Ni); hộp vuông/chữ nhật inox 304 (8%Ni); ống inox 201 (0,8%Ni); hộp vuông/chữ nhật inox 201 (0,8% Ni)

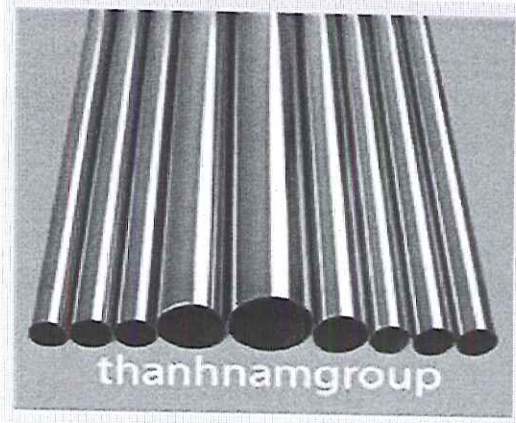


Hộp vuông/chữ nhật inox 304 (8% Ni)

Hộp vuông/chữ nhật inox 304 (8% Ni)



Ống inox 304 (8% Ni)



Ống inox 201 (0.8% Ni)



Hộp vuông/chữ nhật inox 201 (0.8% Ni)

- Thép đen dạng tấm – cuộn - ống: Thép lá, tấm cán nguội (JIS G3141SPCC – SD, SPCD, SPCE); thép lá cán nóng (JIS G3131 SPHC, SPHD, SPHE, JIS G3132 SPHT1, SPHT2); thép mạ kẽm (JIS G3302 SGCC, SGCD, SGHC); thép mạ màu theo tiêu chuẩn JIS G3312 CGCC; thép mạ điện (JIS G3313 SECC, SECD, SECE,...)

Thép đen dạng tấm/ cuộn/ ống



b) Các hoạt động chính của Công ty.

Hoạt động Phân phối thị trường nội địa: Đây là mảng mang lại doanh thu chính cho Công ty với tỷ trọng bình quân trên 90% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, đồng thời cũng là mảng đóng góp tỷ trọng lớn nhất trong lợi nhuận gộp của Công ty. Mặt hàng Công ty phân phối là các sản phẩm inox dạng tấm, cuộn, Inox trang trí... được nhập từ các nhà sản xuất uy tín

Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan, Singapore, Ấn Độ, Nhật Bản, Thụy Điển..., và nhập từ một số Công ty xuất nhập khẩu trong nước.... phân phối trong toàn quốc.

Xuất khẩu: Ngoài phân phối trong nước, Công ty xuất khẩu một số sản phẩm Inox tới các nước Ấn Độ, Ukraine, Nga, Mỹ, Hàn Quốc, Pakistan. Doanh thu từ hoạt động xuất khẩu này chiếm khoảng 10% trong doanh thu bán hàng.

Các dịch vụ khác gồm: Dịch vụ cắt tấm, xẻ băng, chia cuộn, phủ giấy lót. Các dịch vụ này Công ty thuê CTCP Quốc tế Phương Anh gia công để cung cấp cho khách hàng, dịch vụ này chiếm tỷ trọng nhỏ 0,01% doanh thu của Công ty.

5.1.2. Giá trị sản phẩm, dịch vụ qua các năm.

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu theo hoạt động kinh doanh

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2015		2016		Quý I/2017	
		Giá trị	% DT	Giá trị	% DT	Giá trị	% DT
1	Doanh thu bán hàng	1.286.719	99,96%	708.999	99,99%	180.954	100%
1.1	Doanh thu bán hàng nội địa	1.184.880	92,05%	633.048	89,28%	148.080	81,83%
1.2	Doanh thu xuất khẩu	101.839	7,91%	75.951	10,71%	32.874	18,17%
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	480	0,04%	80	0,01%	-	-
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.287.199	100%	709.079	100%	180.954	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, 2016, BCTC quý I/2017 Công ty tự lập)

Doanh thu bán hàng là nguồn đem lại doanh thu chính cho Công ty, năm 2014 được xem là một năm khó khăn đối với ngành thép trong nước do nền kinh tế suy thoái, các lĩnh vực sản xuất đều thu hẹp khiến lượng tiêu thụ thép giảm mạnh, CTCP Tập đoàn Thành Nam mặc dù là đơn vị có nhiều năm kinh nghiệm trong phân phối thép cũng gặp phải những khó khăn nhất định nên doanh thu năm 2014 Công ty đạt 773,01 tỷ đồng. Cuối năm 2014, Bộ Công Thương quy định áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm thép không gỉ cán nguội nhập khẩu, nhu cầu các sản phẩm thép không gỉ trong nước tăng cao, trong đó có các sản phẩm thép không gỉ của Tập đoàn Thành Nam, khiến số lượng đơn hàng của Công ty tăng mạnh 2015, doanh thu năm 2015 Công ty đạt 1.287,19 tỷ đồng, tăng 66,46% so với năm 2014.

Năm 2016, mặc dù ngành thép vẫn đang trong thời gian được bảo hộ, nhu cầu thị trường trong nước lớn, nhưng giá thép tăng mạnh so với năm 2015 và biến động giá lớn, việc tìm nguồn hàng nhập khẩu có giá ổn định là lựa chọn hàng đầu của Công ty, nên Công ty không đẩy mạnh

phân phối để tăng doanh thu mà ký kết những hợp đồng có kỳ hạn nhất định đảm bảo việc cung cấp hàng và cạnh tranh về giá. Do vậy, Doanh thu Công ty năm 2016 chỉ đạt 709,08 tỷ đồng, giảm 44,92% so với năm 2015.

Trong 2 năm 2015 và 2016 doanh thu bán hàng chiếm xấp xỉ 100% tổng doanh thu, trong đó chiếm phần lớn là doanh thu bán hàng nội địa (lần lượt là 92,05% và 89,28% vào các năm 2015 và 2016).

Ngoài Trụ sở chính tại Hà Nội, Công ty còn có 3 chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương và Hưng Yên nên thị trường trong nước của Thành Nam Group trải rộng khắp tại các tỉnh thành khu vực đồng bằng Bắc Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ như Hà Nội, Vĩnh Phúc, Hải Phòng, Hưng Yên, Phú Yên, Bình Dương, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, An Giang.... Ngoài ra Công ty đang từng bước thâm nhập thị trường miền Trung, bước đầu là thị trường Đà Nẵng.

Đối với doanh thu xuất khẩu, tuy vẫn chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong tổng doanh thu, tuy nhiên trong 2 năm qua tỷ lệ này đang có xu hướng tăng nhẹ, từ mức 7,91% năm 2015 lên mức 10,71% năm 2016, từng bước hướng tới mục tiêu trở thành tập đoàn đa quốc gia có thương hiệu tại Đông Nam Á.

Quý I/2017, doanh thu bán hàng của Công ty đạt 180,95 tỷ đồng, trong đó doanh thu bán hàng nội địa là 148,08 tỷ đồng chiếm 81,83%, doanh thu xuất khẩu tăng mạnh đạt 32,87 tỷ đồng chiếm 18,17% tổng doanh thu.

5.2. Nguyên vật liệu

5.2.1. Nguồn nguyên vật liệu:

Nguyên vật liệu đầu vào của Công ty chủ yếu là các loại thép tấm, thép cuộn,... Các loại nguyên vật liệu này được Công ty mua từ các nhà cung cấp có uy tín, đảm bảo cả về số lượng lẫn chất lượng đáp ứng tốt nhu cầu của Công ty trong quá trình sản xuất.

5.2.2. Sự ổn định của nguồn nguyên liệu đầu vào:

Thị trường ngành thép vật liệu Việt Nam được đánh giá là nhiều nhưng không đủ, nghĩa là, số lượng doanh nghiệp tham gia vào thị trường tương đối nhiều, tuy nhiên nguyên vật liệu sản xuất trong nước lại chưa đạt được các tiêu chuẩn yêu cầu cần thiết để chế tạo các sản phẩm đầu ra đủ sức cạnh tranh về chất lượng. Do đó, để đảm bảo được chất lượng các sản phẩm đầu ra, Thành Nam Group phải tìm kiếm và ký kết hợp đồng với nhà nhiều nhà cung cấp nước ngoài. Là doanh nghiệp có sản lượng nhập khẩu khá lớn, Tập đoàn Thành Nam luôn nhận được nhiều ưu đãi từ phía các nhà cung cấp. Hiện nay nguồn cung cấp nguyên vật liệu cho Công ty chủ yếu là các nhà máy lớn và các công ty thương mại lớn có uy tín tại Trung Quốc, Đài Loan, Singapore, Hàn Quốc, Ấn độ, Nhật Bản, Thụy Điển. Có thể nói việc cung cấp nguyên vật liệu cho sản xuất của Công ty có mức độ ổn định. Tuy vậy, xét về mặt giá cả, nguồn cung cấp nguyên vật liệu của Công ty trong thời gian qua tương đối biến động, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chính vì vậy, Công ty đã chủ động thực hiện lựa chọn và ký kết các hợp đồng dài hạn với các nhà cung cấp uy tín, giúp cho Công ty luôn đảm bảo nguồn nguyên vật liệu đầu vào cả về số lượng và chất lượng cho công tác sản xuất. Bên cạnh đó công ty còn được các nhà cung cấp giành cho các chính sách ưu đãi về giá, tín dụng,... cũng như sự ưu tiên cung cấp khi thị trường nguyên vật liệu khan hiếm hoặc biến động mạnh.

Một số nhà cung cấp thường xuyên của Công ty:

Bảng 5: Các nhà cung cấp thường xuyên của Thành Nam Group

Nhà cung cấp	Tên vật liệu cung cấp
TOSTE CO., LTD	Thép không gỉ dạng thanh tròn, dạng cuộn, dạng tấm
HANGZHOU COGENERATION (HONG KONG) CO.,LTD	Thép không hợp kim cán phẳng nguội dạng cuộn
ZHEJIANG ZHONGDA YUANTONG INDUSTRIAL CORPORATION	Thép không gỉ dạng cuộn, dạng tấm
SAKY STEEL CO., LIMITED	Thép không gỉ dạng ống
ZHEJIANG SHIMEI METAL MANUFACTURING CO.,LTD	Thép không gỉ dạng cuộn
Xiamen Tancheng Import and Export CO.,LTD	Thép không gỉ dạng cuộn
JIN METAL KOREA CO., LTD	Thép không gỉ dạng cuộn
SHANGHAI METAL DREAM INDUSTRY CO.,LTD	Thép không gỉ dạng cuộn
Công ty Cổ phần Thép Vina	Thép không gỉ dạng cuộn

Nguồn: Thành Nam Group

5.2.3. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận của Công ty:

Nguyên vật liệu chiếm một tỷ trọng lớn trong kết cấu chi phí của Tập đoàn Thành Nam, sự biến động của giá cả nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng lớn tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Trong thời gian qua, giá cả trên thị trường thép không gỉ có nhiều biến động mạnh do nguyên nhân của: biến động giá dầu thế giới, sự thay đổi của lãi suất cũng như tỷ giá hối đoái. Bên cạnh đó, việc Việt Nam đang đẩy mạnh quá trình hội nhập quốc tế, trong đó đáng kể nhất là việc thực hiện cam kết với WTO và tham gia các Hiệp định thương mại tự do, khiến cho các loại thuế nhập khẩu đang dần được giảm và tiến đến xóa bỏ.

5.3. Chi phí sản xuất

Bảng 6: Chi phí sản xuất kinh doanh qua các năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Yếu tố chi phí	2015		2016		Quý I/2017	
		Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT

1	Giá vốn hàng bán	1.264.275	98,22%	668.552	94,29%	172.044	95,08%
2	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.199	0,64%	6.910	0,97%	1.615	0,89%
3	Chi phí tài chính	20.880	1,62%	20.816	2,94%	4.668	2,58%
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay:</i>	<i>17.059</i>	<i>1,33%</i>	<i>19.581</i>	<i>2,76%</i>	<i>4.637</i>	<i>2,56%</i>
4	Chi phí bán hàng	3.846	0,30%	1.367	0,19%	400	0,22%
	Tổng chi phí	1.297.199	100,78%	697.645	98,40%	178.727	98,77%

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, 2016, BCTC quý I/2017 Công ty tự lập)

Năm 2016, tỷ lệ tổng chi phí so với doanh thu thuần tích cực hơn năm 2015, từ mức 100,78% giảm xuống chỉ còn 98,40%. Giá vốn hàng bán là chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí của Công ty. Giá vốn hàng bán biến động cùng doanh thu, giá vốn hàng bán năm 2014 của Công ty là 773,01 tỷ đồng, con số này năm 2015 và 2016 lần lượt là 1.264,3 tỷ đồng và 668,5 tỷ đồng. Chi tiêu giá vốn hàng bán giảm cả về số tuyệt đối và tương đối so với năm 2015.

Ngoài ra, năm 2016, Công tác quản trị, điều hành, lập kế hoạch nhập hàng và cân đối hàng nhập về từng kho của Công ty hợp lý đã giảm được chi phí vận chuyển. Đối tác Công ty là những khách hàng truyền thống, các Hợp đồng được ký đều hàng tháng nên Công ty có thể nhờ lưu kho tại đối tác giảm chi phí lưu kho, dẫn đến chi phí bán hàng giảm đáng kể, chi phí bán hàng năm 2015 là 3,85 tỷ, con số này năm 2016 là 1,37 tỷ, giảm 64%.

Chi phí tài chính năm 2016 là 20.816 triệu đồng, trong đó chi phí lãi vay lên tới 19.581 triệu đồng, lớn hơn khá nhiều so với 17.059 triệu đồng năm 2015 do Công ty có phát sinh một số khoản vay lớn trong năm 2016. Tuy nhiên, cuối năm 2016 Công ty đã tiến hành thanh toán một số khoản vay, do đó dù có chi phí lãi vay lớn hơn, số dư vay và nợ ngắn hạn cuối kỳ năm 2016 vẫn nhỏ hơn so với năm 2015 (193.900 triệu đồng so với 206.863 triệu đồng năm 2015).

Quý I/2017, Giá vốn hàng bán Công ty là 172,04 tỷ đồng, chiếm 95,08% doanh thu thuần. Chi phí tài chính là 4,67 tỷ đồng, trong đó chi phí lãi vay là 4,64 tỷ đồng chiếm 99,33% chi phí tài chính. Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng lần lượt là 1,62 tỷ đồng chiếm 0,89% doanh thu thuần và 400 triệu đồng chiếm 0,22% doanh thu thuần.

5.4. Trình độ công nghệ

Với gần 14 năm kinh nghiệm phân phối các sản phẩm Inox, cung cấp sản phẩm cho nhiều nhà sản xuất, đại lý phân phối lớn, hiện nay Thành Nam đã có uy tín trên thương trường trong và ngoài nước. Với đội ngũ cán bộ, công nhân viên được đào tạo chuyên nghiệp, có ý thức chấp hành kỷ luật, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao, không ngại gian khó, vất vả, tích cực học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ với mục tiêu nâng cao chất lượng dịch vụ, phục vụ, vì sự hài lòng của khách hàng.

Trong những năm gần đây, để ứng dụng công nghệ mới vào quản lý và bán hàng, Công ty đã liên tục cải tiến, đổi mới và ứng dụng các phần mềm quản lý, phần mềm bán hàng, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý máy móc thiết bị cho đội ngũ cán bộ và các kỹ năng cần thiết cho bộ phận kỹ thuật của Công ty.

Ngoài ra, Công ty luôn quan tâm đến việc đào tạo đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm, có trình độ về quản lý và chuyên môn nghiệp vụ. Thường xuyên tổ chức các khóa học, hội thảo chuyên đề về bán hàng, quản lý chất lượng... nhằm nâng cao kiến thức cho CBCNV

5.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

5.5.1. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

Công ty đã và đang đẩy mạnh được công tác quản lý chất lượng, tiến độ thực hiện từng hợp đồng, từng hạng mục trong hợp đồng. Việc giám sát, quản lý chất lượng, tiến độ công việc được phân công cụ thể tới từng bộ phận, cán bộ giám sát, các lãnh đạo trong Công ty.

Đối với những hợp đồng có giá trị, quy mô lớn, yêu cầu kỹ thuật phức tạp, Công ty đã thành lập các Ban điều hành trực tiếp chỉ huy, đôn đốc kỹ thuật, chất lượng, tiến độ, thanh quyết toán, thực hiện nghiêm túc công tác nghiệm thu nội bộ.

Hiện nay, Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008. ISO 9001 là tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống quản lý chất lượng do Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO) ban hành. Việc áp dụng ISO 9001 sẽ giúp cho công ty tạo được cách làm việc khoa học, sự nhất quán trong công việc, chuẩn hóa các quy trình hoạt động, loại bỏ được nhiều thủ tục không cần thiết, rút ngắn thời gian và giảm chi phí phát sinh do xảy ra những sai lỗi hoặc sai sót trong công việc, đồng thời làm cho năng lực trách nhiệm cũng như ý thức của cán bộ công nhân viên nâng lên rõ rệt.

5.5.2. Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty

Như đã đề cập ở trên, việc đảm bảo chất lượng và tiến độ của các hợp đồng được Công ty đặc biệt quan tâm. Việc kiểm tra chất lượng được thực hiện thông qua các quản lý sản xuất, các kỹ thuật giám sát để theo dõi chặt chẽ tiến độ thực hiện của từng dự án, đảm bảo giám sát, kiểm tra chất lượng từ khâu nhập khẩu đến quá trình bảo quản hàng và cung cấp tới khách hàng

Chất lượng dịch vụ của Công ty luôn được kiểm soát chặt chẽ bởi trường phòng của từng bộ phận. Thông qua các hoạt động lấy ý kiến của khách hàng về dịch vụ cung cấp, Công ty tiếp thu và xử lý theo phương châm “*Sự hài lòng của khách hàng về sản phẩm và dịch vụ do chúng tôi cung cấp là mục tiêu cao nhất và là phương châm hoạt động của Công ty*” và “*Coi trọng mối quan hệ với khách hàng và nhà cung cấp*”.

5.6. Hoạt động Marketing

Tuy chưa thực sự đưa ra chiến lược marketing cụ thể, những năm qua Thành Nam cũng đã chú trọng đến việc quảng bá thương hiệu và tìm kiếm khách hàng. Các chính sách marketing mà công ty đang thực hiện bao gồm:

Đối với Kinh doanh nội địa: Hầu hết triển khai Marketing truyền thống

- Đối tượng khách hàng: Khách hàng truyền thống và khách hàng tiềm năng

- Hình thức bán hàng: Qua điện thoại và gặp khách hàng trực tiếp
 - Thị trường chính: Hà Nội, Bắc Ninh, Hưng Yên, Tp.Hồ Chí Minh...
- Đối với Xuất khẩu:** Triển khai Marketing online
- Đối tượng khách hàng: Khách hàng truyền thống và khách hàng tiềm năng
 - Hình thức bán hàng: Email/fax/chat
 - Thị trường chính: Ấn Độ, Băng la đét, Nga, Ukraina, Pakistan...

Hoạt động xúc tiến thương mại:

Website: www.thanhnamgroup.com.vn, email, mạng xã hội, gặp gỡ trực tiếp...

5.7. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo của Công ty:



Các nhãn hiệu đã đăng ký:

- THÀNH NAM
- THÀNH NAM GROUP.

5.8. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 7: Các Hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết năm 2016 và 2017¹

TT	Đối tác	Nội dung	Giá trị (đồng)	Thời gian ký hợp đồng	Thời hạn thực hiện
I	HỢP ĐỒNG MUA HÀNG				
1	TOSTE CO.,LTD	Mua hàng	77.760 USD	14/4/2016	06/09/2016
2	TOSTE CO.,LTD	Mua hàng	90.510 USD	15/06/2016	07/12/2016
3	TOSTE CO.,LTD	Mua hàng	89.800 USD	02/08/2016	18/01/2017
4	CÔNG TY CỔ PHẦN CHINA STEEL SUMIKIN VIỆT NAM	Mua hàng	2.608.161.600	02/12/2016	24/01/2017

¹ Do đặc thù hoạt động thương mại, Công ty thường thỏa thuận với khách hàng và ký các Hợp đồng cung cấp trong thời gian ngắn để tránh biến động giá. Do vậy, Công ty trình bày một số hợp đồng với các khách hàng truyền thống của Công ty

TT	Đối tác	Nội dung	Giá trị (đồng)	Thời gian ký hợp đồng	Thời hạn thực hiện
5	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THÉP VINA	Mua hàng	6.199.116.000	15/12/2016	Tháng 12/2016
6	CÔNG TY CỔ PHẦN PHALCO VIỆT NAM	Mua hàng	8.574.714.500	20/12/2016	Tháng 12/2016
7	CÔNG TY CỔ PHẦN PHALCO VIỆT NAM	Mua hàng	5.745.632.750	23/01/2017	Tháng 2/2017
II	HỢP ĐỒNG BÁN HÀNG				
1	CÔNG TY TNHH MTV TM HOÀNG GIA BẢO	Bán hàng	1.086.826.233	16/06/2016	24/12/2016
1	CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ ĐÔNG Á	Bán hàng	8.495.469.135	20/12/2016	Tháng 12/2016
2	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THÉP VINA	Bán hàng	4.126.717.650	20/01/2017	08/02/2017
3	CÔNG TY CỔ PHẦN ENTECO VIỆT NAM	Bán hàng	4.075.522.000	28/01/2017	Tháng 2/2017
4	CÔNG TY TNHH MTV TM HOÀNG GIA BẢO	Bán hàng	2.339.190.000	03/02/2017	08/02/2017
5	CÔNG TY TNHH MTV TM HOÀNG GIA BẢO	Bán hàng	1.680.768.425	09/02/2017	Tháng 3-4/2017
6	Công Ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Và Xuất Nhập Khẩu Damexco	Bán hàng	4.764.762.750	3/2/2016	Tháng 2/2016
7	Công Ty Cổ Phần Vật Tư Kỹ Thuật Công Nghiệp TMT Việt Nam	Bán hàng	5.449.199.448	01/4/2016	Tháng 4/2016

TT	Đối tác	Nội dung	Giá trị (đồng)	Thời gian ký hợp đồng	Thời hạn thực hiện
8	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư FUJIKAEEN Việt Nam	Bán hàng	3.668.121.600	1/4/2016	Tháng 4/2016
9	Công Ty Cổ Phần Hà Yên	Bán hàng	1.079.991.000	28/4/2016	Tháng 4/2016
10	Tema SinaYive Ticari Urunler LTD	Bán hàng	366,000.00 (USD)	12/5/2016	Tháng 5/2016
11	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Địa Ốc Alaska	Bán hàng	3.610.238.720	01/8/2016	Tháng 8-9/2016
12	New Century Steel PTE LTD	Bán hàng	214,475.8 (USD)	17/8/2016	Tháng 8/2016
13	Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thép Vina	Bán hàng	9.332.731.100	19/12/2016	Tháng 12/2016

Nguồn: Thành Nam Group

6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

6.1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 - 2016

Bảng 8: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tăng trưởng 2016/2015	Quý I/2017
Tổng giá trị tài sản	547.784	528.939	(3,44%)	545.963
Vốn chủ sở hữu	220.599	234.534	6,32%	236.633
Doanh thu thuần	1.287.175	709.018	(44,92%)	180.954
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.899	40.466	76,71%	8.910

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tăng trưởng 2016/2015	Quý I/2017
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	15.081	19.148	26,97%	2.624
Lợi nhuận khác	(628)	(873)	N/A	N/A-
Lợi nhuận trước thuế	14.453	18.276	26,45%	2.624
Lợi nhuận sau thuế	11.019	13.934	26,45%	2.099
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	5%	5%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/VCSH bình quân	5,12%	6,12%	1,00%	0,89%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016, BCTC quý I/2017 Công ty tự lập)

Về hoạt động kinh doanh, năm 2016 giá thép tăng cao nhưng biến động lớn về giá, việc tìm kiếm nguồn hàng nhập khẩu có giá cạnh tranh, cũng như cân đối giá mua giá bán gặp nhiều khó khăn, do vậy, Công ty không đẩy mạnh công tác bán hàng nên doanh thu giảm sâu so với năm 2015. Doanh thu năm 2015 là 1.287 tỷ đồng, con số này năm 2016 là 709 tỷ, giảm 44,92%

Chi phí tài chính năm 2015 là 20,87 tỷ đồng, mặc dù chi phí tài chính cao nhưng lợi nhuận từ hoạt động tài chính Công ty đạt 4,3 tỷ đồng do Công ty có khoản doanh thu thu được từ hoạt động đầu tư tài chính là 18 tỷ đồng từ việc chuyển nhượng vốn góp của Công ty tại CTCP Inox Thành Nam (nay là CTCP Quốc tế Phương Anh) và khoản lãi tiền gửi cho vay là 6,67 tỷ đồng.

Mặc dù doanh thu giảm nhưng lợi nhuận gộp của Công ty tăng so với năm 2015. Lợi nhuận gộp năm 2015 là 22,897 tỷ đồng, con số này năm 2016 là 40,46 tỷ đồng, tăng 76,71%. Lợi nhuận gộp Công ty tăng mạnh do Công ty được hưởng lợi từ giá thép năm 2016 tăng mạnh so với năm 2015 trong khi Công ty còn một lượng hàng tồn kho còn lại từ trước nhập vào giá thấp dẫn tới giá vốn hàng bán năm 2016 giảm tương đối so với doanh thu bán hàng. Bên cạnh đó các chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp đều giảm so với năm 2015 nên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016 Công ty đạt 13,93 tỷ đồng tăng 26,45% so với năm 2015.

Trong năm 2016, Công ty có thu nhập khác là 1,49 tỷ đồng, gồm 958,5 triệu đồng lãi chuyển nhượng bất động sản và 532,23 triệu đồng thu nhập khác. Do Công ty phát sinh chi phí phạt 1,59 tỷ đồng và các chi phí khác 469,18 triệu đồng, nên lợi nhuận khác của Công ty năm 2016 âm 873 triệu đồng.

Quý I/2017, Doanh thu thuần Công ty là 180,95 tỷ đồng đạt 18% kế hoạch năm 2017, lợi nhuận sau thuế Công ty là 2,099 tỷ đồng đạt 10% kế hoạch năm 2017. Chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận quý I của Công ty thường thấp hơn các quý khác do tính chu kỳ kinh doanh sản phẩm thép không gỉ, nhu cầu thường tăng cao trong quý III và Quý IV hàng năm.

6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

6.2.1. Thuận lợi

- **Triển vọng phát triển của nền kinh tế.**

Theo thống kê của Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2016 ước tính tăng 6,21% so với năm 2015. Mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mức tăng 6,68% của năm 2015 và không đạt mục tiêu tăng trưởng 6,7% đề ra, nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận, giá cả và thương mại toàn cầu giảm, trong nước gặp nhiều khó khăn do thời tiết, môi trường biến đổi biến phức tạp thì đạt được mức tăng trưởng trên là một thành công, khẳng định tính đúng đắn, kịp thời, hiệu quả của các biện pháp, giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng thực hiện.

Căn cứ vào các chỉ tiêu kinh tế của Việt Nam hiện nay và dự kiến tỷ lệ tăng trưởng trong những năm tới, có thể dự báo GDP bình quân đầu người của Việt Nam tới năm 2020 sẽ đạt khoảng 1.500 USD. Như vậy, trong vòng 15 năm tới, nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành thép Việt Nam nói riêng có khả năng phát triển tương đương mức như Nhật Bản năm 1960, Hàn Quốc năm 1980 và như Thái Lan những năm 1990. Kinh tế phục hồi kéo theo nhu cầu tiêu dùng tăng hơn những năm trước, nhu cầu sử dụng thép không gỉ từ đó cũng tăng theo.

- **Sự ổn định trong nguồn cung nguyên vật liệu**

Tập đoàn Thành Nam có lợi thế là mối quan hệ bạn hàng thân thiết với các nhà cung cấp. Nhà cung cấp nguyên liệu chủ yếu của Công ty hiện nay là các nhà máy lớn và các công ty thương mại có uy tín tại Trung Quốc, Đài Loan, Singapore, Hàn Quốc, Ấn độ, Nhật Bản, Thụy Điển. Nguồn nguyên liệu cung cấp ổn định với sản lượng lớn, giá cả ít biến động giúp cho Tập đoàn Thành Nam luôn chủ động được trong việc tính toán chi phí sản xuất.

- **Lãi suất cho vay và giá xăng dầu:** Lãi suất cho vay và giá xăng dầu giảm trong năm 2015-2016 giúp Công ty giảm được chi phí tài chính và chi phí logistics.

- **Chính sách hỗ trợ của Nhà nước**

- Ngày 18/07/2016, Bộ Công thương đã ra Quyết định số 2968/QĐ-BCT về việc áp dụng biện pháp tự vệ chính thức đối với mặt hàng phôi thép và thép dài nhập khẩu vào Việt Nam từ các nước/vùng lãnh thổ khác nhau, góp phần bảo vệ các doanh nghiệp trong nước trước sức ép cạnh tranh từ các doanh nghiệp thép nước ngoài, đặc biệt là các doanh nghiệp Trung Quốc.

6.2.2. Khó khăn

Bên cạnh những dấu hiệu tích cực của nền kinh tế so với những năm trước như: giá xăng dầu giảm, chỉ số lạm phát tốt hơn, lãi suất giảm thì vẫn còn những tồn tại từ hệ lụy của khủng hoảng kinh tế kéo dài từ nhiều năm trước tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất của Công ty, cụ thể:

- **Khó khăn trong việc phát triển thị trường nước ngoài**

Hiện tại, mặc dù Công ty đang từng bước tiếp cận thị trường nước ngoài, tuy nhiên doanh thu từ xuất khẩu hàng hóa vẫn chiếm một phần nhỏ trong tổng doanh thu. Mặc dù một số sản phẩm của Công ty đã có mặt tại một số quốc gia tại cả châu Á, châu Âu, châu Phi, tuy nhiên,

Công ty vẫn gặp rất nhiều khó khăn trong việc phát triển thị trường, áp lực cạnh tranh với sản phẩm thép từ Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan,... đặc biệt là thép giá rẻ từ Trung Quốc. Do đó, Công ty đang nỗ lực đẩy mạnh việc quảng bá thương hiệu trên thị trường quốc tế đồng thời đảm bảo chất lượng hàng hóa dịch vụ, tiến tới mục tiêu trở thành thương hiệu nổi tiếng tại Đông Nam Á.

▪ **Khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn đầu tư**

Lãi suất huy động năm 2016 tương đối ổn định. Lãi suất huy động 12 tháng bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 6,4%-7,2%/năm. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8%-9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3%-11%/năm đối với trung và dài hạn. Nhìn chung, cơ cấu tín dụng đang tiếp tục theo hướng tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp vừa và nhỏ nhằm hỗ trợ có hiệu quả cho tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, việc thiếu những chính sách điều tiết cụ thể khiến cho khả năng tiếp cận nguồn vốn này thực sự không hề dễ dàng. Dưới áp lực kiểm soát nợ xấu, các tổ chức tín dụng hiện nay đang tỏ ra rất thận trọng với những khoản vay ngắn hạn và trung hạn. Là Công ty hoạt động chính thương mại, nhu cầu vốn lưu động để cân đối những chính sách thúc đẩy bán hàng như thanh toán chậm, trả trước người bán của Công ty hiện tại đang phải phụ thuộc lớn vào những yếu tố nội lực như lợi nhuận để lại, khấu hao và vốn chủ sở hữu.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1. Vị thế của Công ty so với doanh nghiệp khác trong ngành

Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Nam hiện là nhà cung cấp inox dạng tấm, cuộn, ống với chủng loại và đặc điểm kỹ thuật đa dạng. Các sản phẩm của Thành Nam Group được nhập khẩu chủ yếu từ các nhà sản xuất uy tín tại Hàn Quốc, Đài Loan và Trung Quốc, do đó luôn đảm bảo chất lượng đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng. Với tốc độ tăng trưởng nhanh chóng, Thành Nam đã duy trì và không ngừng mở rộng thị phần của mình ở trong nước và nước ngoài, sản phẩm thép xuất khẩu của Thành Nam đã có mặt ở hơn 20 nước trên thế giới, tập trung chủ lực ở các quốc gia như: Ấn Độ, Ukraine, Nga, Mỹ, Hàn Quốc, Pakistan... Trải qua hơn 14 năm phấn đấu không ngừng, Thành Nam từ một doanh nghiệp quy mô nhỏ nay đã trở thành một công ty lớn với mức vốn điều lệ 210 tỷ đồng chuyên cung cấp các loại inox ở Việt Nam.

Lợi thế về thương hiệu lâu năm: Thương hiệu Thành Nam là Công ty phân phối các sản phẩm thép không gỉ đã tồn tại và phát triển hơn 14 năm, so với một doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán không phải là thời gian quá dài, tuy nhiên chặng đường đó đủ để chứng minh sự phát triển của một doanh nghiệp đã trải qua nhiều biến động khó khăn của nền kinh tế.

Lợi thế về vị trí địa lý: Công ty hiện nay có trụ sở tại Hà Nội và ba chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh, Bình Dương, Hưng Yên, hệ thống kho chứa rộng, thời gian thuê lâu năm, kho lớn nhất của Công ty đặt tại Hưng Yên thuận lợi trong việc vận chuyển hàng nhập của Công ty tại Cảng Hải Phòng.

Lợi thế về quản trị:

+ Nhân sự: Ban lãnh đạo điều hành Công ty đều là những người có nhiều năm kinh nghiệm kinh doanh thép không gỉ, đã cùng Công ty vượt qua những biến động của nền kinh tế cũng như

những thăng trầm trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, nhân sự Công ty được đào tạo chuyên nghiệp, bài bản và luôn được đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, quản trị, quản lý đạt hiệu quả công việc cao nhất.

+ Hệ thống phần mềm: Công ty đã đầu tư hệ thống, phần mềm tích hợp quản trị doanh nghiệp (ERP), điều hành trên mọi phần hành phân hệ quản trị và các hệ thống Barcode tích hợp từ ERP, cho phép Công ty kiểm soát chặt chẽ, nhanh nhất các hoạt động giao dịch của Công ty.

Thị trường tiêu thụ: Thị trường tiêu thụ Công ty rộng khắp cả nước, các kho hàng của Công ty đặt tại khu vực gần cảng thuận lợi trong quá trình vận chuyển hàng hóa và phân phối đến khách hàng

Tình hình tài chính: Hoạt động kinh doanh năm 2016 của Công ty so với các doanh nghiệp trong cùng ngành hiện đang niêm yết, đăng ký giao dịch trên TTCK như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Đơn vị cùng ngành	Mã cổ phiếu	Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu	Vốn điều lệ	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	ROA (%)	ROE (%)
1	CTCP Chế tạo Kết cấu Thép VNECO.SSM	SSM	138,45	88,79	55,01	219,71	11,26	8%	13%
2	CTCP Thép Thủ Đức - Vnsteel	TDS	388,35	215,93	122,25	1711,64	34,92	9%	16%
3	CTCP Thép Nhà Bè - VNSTEEL	TNB	365,16	178,63	115,00	1492,66	11,68	3%	7%
4	CTCP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	HGM	250,32	212,10	126,00	87,54	16,89	7%	8%
5	CTCP Thép Dana	DNY	2.321,56	347,97	270,00	1.985,86	18,33	1%	5%
6	CTCP Tập đoàn Thành Nam	TNI	528,94	234,53	200,00	709,02	13,93	3%	6%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 của các đơn vị đã niêm yết trên thị trường chứng khoán)

Công ty là doanh nghiệp có nhiều năm kinh nghiệm trong kinh doanh các sản phẩm thép không gỉ, tuy nhiên, so với các doanh nghiệp cùng ngành đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên Thị trường Chứng khoán, quy mô tài sản, nguồn vốn và các chỉ số tài chính của Công ty đạt mức trung bình.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Theo số liệu của Hiệp hội thép Việt Nam, tính chung trong năm 2015, sản xuất các sản phẩm thép đạt gần 15 triệu tấn, tăng 21,5% so với 2014. Tiêu thụ thép đạt gần 17,9 triệu tấn (gồm cả thép nhập khẩu), tăng 26% so với 2014. Tuy nhiên, do khó khăn chung của thị trường thép toàn cầu, áp lực cạnh tranh nội địa cũng như áp lực cạnh tranh với thép Trung Quốc nhập khẩu, giá thép cũng như giá của các loại nguyên liệu, bán thành phẩm cho sản xuất thép trên thị trường thế giới năm 2015 có chiều hướng giảm trong cả năm.

Trong nửa đầu năm 2016, giá thép đã chứng kiến sự phục hồi mạnh mẽ, nhờ giá quặng sắt tăng trở lại, quyết định áp thuế tự vệ tạm thời lên tới 33,3% đối với các sản phẩm thép xây dựng từ Bộ Công thương vào ngày 07/03/2016, Trung Quốc công bố cắt giảm nhân sự ngành thép và cắt giảm sản lượng than cốc 500.000 tấn/năm. Không chỉ thế, các sản phẩm thép tăng trưởng mạnh cả về tiêu thụ và sản xuất, với mức tăng trưởng trên 35%, riêng thép xây dựng tăng trưởng gần 30%. Tuy nhiên, bước sang quý III, lượng thép tiêu thụ và giá đều giảm, dẫn tới nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn. Tháng 10/2016 ghi nhận sự giảm giá liên tiếp ở các sản phẩm thép xây dựng do các công ty trong nước vừa phải đối mặt với thép Trung Quốc nhập khẩu ồ ạt, vừa cạnh tranh giành thị phần với nhau, tuy nhiên giá nguyên vật liệu đầu vào lại có xu hướng tăng. Trong tháng 11/2016 giá nguyên liệu đầu vào tiếp tục đà tăng, kéo theo giá bán thép tăng trong những tháng cuối năm 2016.

Theo dự báo của Hiệp hội Thép Việt Nam năm 2017 ngành công nghiệp thép Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng 12% so với năm 2016. Giá bán thép cũng được dự báo sẽ tiếp tục tăng so với năm 2016 do giá nguyên liệu ở mức cao và các doanh nghiệp trong nước không còn nguyên liệu giá rẻ dự trữ trong kho. Tuy nhiên theo cam kết trong các hiệp định thương mại tự do, thuế nhập khẩu thép sẽ được cắt giảm theo lộ trình do đó mức độ cạnh tranh trong ngành thép thời gian tới sẽ rất quyết liệt khi quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hơn.

7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành, chính sách của nhà nước và xu hướng chung của thế giới

7.3.1. Định hướng phát triển của Công ty

Công ty đề ra những định hướng cho hoạt động kinh doanh trong tương lai như sau:

Thương mại: Công ty tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động thương mại xuất nhập khẩu hàng hóa như sắt thép, inox và các loại nguyên phụ liệu ngành thép, chủ động hơn nữa về nguồn cung hàng hóa, tăng cường giao dịch với khách hàng truyền thống, mở rộng tìm kiếm khách hàng tiềm năng. Đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng trong khu vực (xuất khẩu

thép thành phẩm và bán thành phẩm), chủ động trong việc thanh toán bằng ngoại hối để chủ động nguồn ngoại tệ.

Dịch vụ: Tập trung vào gia công cắt, xẻ, tạo hình sản phẩm cho công ty cung cấp.

Định hướng phát triển lâu dài của Công ty là tập trung các nguồn lực vào mảng hoạt động mà Công ty có lợi thế cạnh tranh, đó là xuất nhập khẩu và phân phối thép không gỉ đồng thời đặt ra chiến lược phát triển theo hướng chú trọng về chiều sâu, tập trung vào các mảng sản phẩm có hàm lượng công nghệ lớn, đem lại giá trị gia tăng cao, phù hợp với lợi thế ngành và lợi thế Công ty. Bên cạnh việc củng cố vị thế trên thị trường nội địa, Công ty sẽ không ngừng mở rộng thị trường tại các nước như Hàn Quốc, Malaysia, Ấn Độ, Pakistan, Bangladesh, ... Ngoài ra, CTCP Tập đoàn Thành Nam cũng luôn chú trọng đến những mối quan hệ kinh doanh quốc tế với các nhà cung cấp đến từ Hàn Quốc, Đài Loan, Ấn Độ, Singapore và Trung Quốc nhằm đem lại lợi thế tối đa cho mình.

7.3.2. Định hướng phát triển ngành

Năm 2015 được xem là một năm đầy biến động của các doanh nghiệp ngành thép. Ngày 14/11/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 165/2014/TT-BTC, Thông tư số 166/2014/TT-BTC và Thông tư số 167/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 Ban hành biểu thuế ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN, ASEAN - Trung Quốc, ASEAN - Hàn Quốc giai đoạn 2015-2018. Theo đó, thuế suất thuế Xuất – Nhập khẩu của một loạt mặt hàng, trong đó có các sản phẩm ngành thép tiếp tục giảm sâu. Ngày 20/8/2014, Cục Xuất nhập khẩu- Bộ Công Thương cũng đã tổ chức Hội nghị tham vấn về Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam với Liên minh Hải quan 3 nước Nga, Belarus, Kazakhstan nhằm đánh giá những cơ hội và thách thức đối với ngành thép khi Việt Nam ký kết Hiệp định song phương với Liên minh Hải quan, trong đó có Nga, một người khổng lồ trong ngành thép thế giới.

Năm 2016, sau khi điều tra áp dụng biện pháp tự vệ đối với mặt hàng phôi thép và thép dài theo đề nghị của 4 công ty bao gồm: Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát, Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam, Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên, Công ty Cổ phần Thép Việt Ý, ngày 07/03/2016, Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 862/QĐ-BCT về việc áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời đối với sản phẩm phôi thép và thép dài nhập khẩu vào Việt Nam. Đến ngày 18/07/2016, Bộ Công thương đã ra Quyết định số 2968/QĐ-BCT về việc áp dụng biện pháp tự vệ chính thức đối với mặt hàng phôi thép và thép dài nhập khẩu vào Việt Nam từ các nước/vùng lãnh thổ khác nhau. Mức thuế này sẽ có hiệu lực trong vòng 04 năm, tính từ ngày 02/08/2016.

Nhìn chung, chính sách xuyên suốt của Việt Nam đối với ngành thép những năm qua là không ngừng đẩy mạnh quá trình hội nhập, hợp tác quốc tế nhằm tìm kiếm cơ hội thu hút đầu tư cũng như điều kiện mở rộng thị trường cho các doanh nghiệp nội địa. Cho dù trước mắt quá trình này dự báo sẽ tạo ra nhiều khó khăn và áp lực cho các công ty nhưng trong dài hạn, đó sẽ là một động lực lớn thúc đẩy sự phát triển của toàn ngành.

7.3.3. Đánh giá về sự phù hợp

Với tiềm năng phát triển của mình, cùng với các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, định hướng phát triển của Công ty là hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành, tận dụng được những lợi thế chủ quan của doanh nghiệp và những lợi thế khách quan do nhu cầu thị trường và chính sách Nhà nước đem lại.

8. Chính sách đối với người lao động*Tình hình lao động*

Bảng 9: Cơ cấu lao động Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2016

Phân loại lao động	Số lượng người
Phân theo đối tượng lao động	
Lao động trực tiếp	50
Lao động gián tiếp	0
Lao động phụ trợ	0
Phân theo trình độ lao động	
Lao động có trình độ trên đại học	5
Lao động có trình độ đại học	16
Lao động có trình độ trung cấp và cao đẳng	19
Khác	10
Phân loại theo loại hợp đồng lao động	
Lao động viên chức quản lý	0
Lao động không xác định thời hạn	0
Lao động xác định thời hạn từ 1-3 năm	49
Lao động thời vụ	0
Lao động thử việc	1
Tổng số lao động	50

Nguồn: Thành Nam Group

8.2. Chính sách đối với người lao động

a) Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Thời gian làm việc bình thường của Công ty là 8 giờ/ngày, 44 giờ/tuần, làm việc từ thứ 2 đến hết sáng thứ 7, nghỉ chiều thứ 7 và chủ nhật. Giờ làm việc trong ngày được quy định cụ thể như sau:

Sáng: Từ 8h00 - 11h30;

Chiều: Từ 13h00 - 17h30;

Sáng thứ 7: Từ 8h00 – 12h00

Khi có yêu cầu đột xuất về tiến độ sản xuất, kinh doanh các nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ. Công ty đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và có đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc với thời gian 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày và thời gian không làm việc đủ 12 tháng được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc.

Nhân viên được nghỉ lễ, tết 09 ngày theo quy định của Luật Lao động.

Nghỉ ốm, thai sản: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc. Công ty cũng trang bị đầy đủ, dụng cụ và đồ bảo hộ lao động cho CBNV làm việc tại công trường có yêu cầu về an toàn lao động. Riêng đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ và đúng quy định pháp luật các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động nhằm bảo đảm mức độ an toàn cao nhất cho người lao động.

b) Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng: Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Công ty và thực hiện theo kế hoạch hàng năm. Công ty đề ra tiêu chí tuyển dụng lao động, trong đó ưu tiên lao động tốt nghiệp đại học và sau đại học trong và ngoài nước, lao động có chuyên môn giỏi, kinh nghiệm và năng lực đáp ứng được yêu cầu của Công ty, sinh viên khá giỏi vừa mới tốt nghiệp trong và ngoài nước nhằm tạo nguồn nhân lực cho phát triển lâu dài cho Công ty.

Đào tạo: Đào tạo và phát triển nhân viên là một trong các công tác ưu tiên của Công ty. Chính sách đào tạo của CTCP Tập đoàn Thành Nam có mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên thành thạo về nghiệp vụ, có đạo đức trong kinh doanh, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và nhiệt tình phục vụ khách hàng.

Trên cơ sở định hướng phát triển kinh doanh của Công ty và kế hoạch hàng năm, Chính sách đào tạo của Công ty được triển khai theo các loại hình đào tạo sau:

- Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ: dựa vào yêu cầu công việc và kết quả đánh giá, Công ty phân tích nhu cầu đào tạo và thiết kế các chương trình đào tạo chuyên môn, kết hợp với các chuyên gia bên trong và bên ngoài (tổ chức đào tạo) để thực hiện.
- Đào tạo về quản lý: tương tự như đào tạo chuyên môn nghiệp vụ nhưng đặc biệt chú trọng đối với cán bộ thuộc diện quy hoạch và cán bộ được đề bạt lên vị trí cao hơn hoặc luân chuyển.
- Kèm cặp trong công việc: thực hiện thường xuyên, do các Phòng ban/Bộ phận trực tiếp thực hiện, người có kinh nghiệm được giao kèm cặp nhân viên mới.
- Thường xuyên đưa cán bộ công nhân viên đi dự các cuộc hội thảo, hội chợ ở nước ngoài, tham dự các khoá đào tạo về kỹ thuật sản phẩm bằng kinh phí của Công ty hoặc nguồn hỗ trợ của các đối tác và nhà cung cấp.

c) Chính sách lương và thưởng

Công ty thực hiện các chế độ cho người lao động theo Luật lao động. Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, chế độ khen thưởng cho nhân viên của CTCP

CTCP Tập đoàn Thành Nam còn được gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng phục vụ, gồm các chế độ cơ bản như sau:

- Mỗi năm, nhân viên được thưởng tối thiểu 01 tháng lương, ngoài ra nhân viên còn được hưởng lương theo năng suất và thưởng hoàn thành công việc;
- Thưởng cho các đơn vị, cá nhân tiêu biểu trong năm; thưởng sáng kiến;
- Thưởng trong các dịp lễ tết của quốc gia và kỷ niệm thành lập công ty.

d) Chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội

- Tất cả nhân viên chính thức của Thành Nam đều được hưởng các phụ cấp và bảo hiểm xã hội phù hợp với Luật Lao động. Ngoài ra, tùy lĩnh vực công tác mà nhân viên Công ty còn nhận được phụ cấp độc hại, phụ cấp rủi ro tiền mặt, phụ cấp chuyên môn... Đồng thời, Công ty cũng thường xuyên nâng cao chính sách phúc lợi cho CBCNV bằng các trợ cấp đối với các nhân viên cưới hỏi, ốm đau – nằm viện, thai sản, nghỉ hưu, mất sức, chế độ tang chế... Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo cùng Công đoàn công ty luôn chú tâm phát triển phong trào văn thể mỹ và duy trì các hoạt động ngoại khóa như các giải thể thao, văn nghệ, sinh hoạt tập thể, tổ chức từ thiện giúp đỡ người nghèo...

9. Chính sách cổ tức

HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHĐCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm, sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý.

Trong năm 2015, ĐHĐCĐ năm 2016 của Công ty đã quyết định chia cổ tức 5% bằng cổ phiếu. Công ty đã thực hiện phân bổ cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo danh sách chốt tại ngày 07/12/2016. Chính sách cổ tức trong những năm tiếp theo sẽ được tính toán phù hợp dựa vào kết quả sản xuất kinh doanh thực tế.

- Tình hình chi trả cổ tức qua một số năm của Công ty:

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Hình thức thanh toán
Năm 2014	0%	-
Năm 2015	5%	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
Năm 2016	Dự kiến 5%	Trả cổ tức bằng tiền mặt

Nguồn: Thành Nam Group

10. Tình hình hoạt động tài chính

10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Từ năm tài chính 2015, Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

10.1.1. Trích khấu hao tài sản cố định:

Chi phí khấu hao TSCĐ của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- TSCĐ được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- Sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được xác định theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại. Trường hợp tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại thì nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại phải được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại.
- TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể như sau:

STT	Loại tài sản	Năm
1	Nhà xưởng, vật kiến trúc	6 – 25
2	Máy móc thiết bị	5 - 12
3	Phương tiện vận tải	06- 8
4	Thiết bị văn phòng	03-05

10.1.2. Thu nhập bình quân

Mức lương bình quân của Cán bộ Công nhân viên Công ty giai đoạn 2014 – 2016 như sau:

Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
8.000.000 đồng/người/tháng	9.200.000 đồng/người/tháng	10.000.000 đồng/người/tháng

Nguồn: Thành Nam Group

10.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có nợ phải trả quá hạn.

10.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế, phí và lệ phí... theo quy định của pháp luật.

Bảng 10: Số dư các khoản thuế phải nộp

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	31/3/2017
Thuế giá trị gia tăng	2.757	865	-
Thuế xuất, nhập khẩu	327	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.909	6.532	4.866
Thuế thu nhập cá nhân	7	7	-
Thuế khác	133	-	-
Tổng cộng	9.133	7.404	4.866

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, 2016, BTCT Quý I/2017 Công ty tự lập)

Khấu hao tài sản cố định có nguyên giá vượt khung của Công ty năm 2015 và 2016 là 602,71 triệu đồng do năm 2011 Công ty đầu tư tài sản cố định là 8,12 tỷ đồng, theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật thuế TNDN, theo đó, tài sản cố định Công ty có nguyên giá vượt khung là 4,92 tỷ đồng. Do vậy, hằng năm, giá trị khấu hao TSCĐ có nguyên giá vượt khung không được khấu trừ thuế TNDN là 602,71 triệu đồng

10.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành. Cho đến 31/12/2016, Công ty không tiến hành trích lập các quỹ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến thời điểm này là 30.534 triệu đồng.

10.1.6. Tình hình công nợ hiện nay

- **Tình hình công nợ hiện nay**
- ❖ **Các khoản phải thu**

Bảng 11: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	31/3/2017
1. Các khoản phải thu ngắn hạn	132.477	165.729	177.283
Phải thu khách hàng	85.915	115.224	132.303
Trả trước cho người bán	996	1.388	13.340
Phải thu về cho vay ngắn hạn	31.727	42.457	27.523
Các khoản phải thu khác	13.834	6.660	4.118

Tài sản thiếu chờ xử lý	5	-	-
2. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	132.477	165.729	177.283

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, 2016, BCTC quý I/2017 Công ty tự lập)

Bảng 12: Chi tiết các khoản phải thu khách hàng của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	31/3/2017
1	Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Vina	-	52.433	43.747
2	Công ty Cổ Phần Quốc Tế Đông Á	-	17.329	31.822
3	Công ty cổ phần Quốc tế Phương Anh	-	12.850	14.204
4	Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	9.308	-	-
5	Công ty Cổ phần Địa ốc Star Hà Nội	20.188	-	-
6	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và XNK DAMEXCO	16.929	-	-
7	Công ty CP Liên Doanh Đầu Tư Quốc Tế KLF	21.952	-	-
8	Inox Stainless	-	-	11.011
9	OJSC <<Metallservis>> Russian Federation	-	-	16.836
10	Các khoản phải thu khách hàng khác	17.537	32.612	14.681
11	Tổng	85.915	115.224	132.303

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, 2016, BCTC quý I/2017 Công ty tự lập)

Bảng 13: Chi tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	31/3/2017
1	Công ty CP Quốc tế Đông Á (1)	20.845	20.000	3.450
2	Ông Nguyễn Quang Thắng (2)	-	16.000	16.000
3	Bà Trịnh Thị Hải Yến (3)	4.307	4.819	4.819
4	Công ty CP Quốc tế Phương Anh (4)	2.004	1.638	1.518
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn khác	4.571	-	1.736
	Tổng	31.727	42.457	27.523

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, 2016, BCTC quý I/2017 Công ty tự lập)

- (1) Theo Hợp đồng vay số 01012015/TNG-ĐA ngày 01/10/2015 và phụ lục Hợp đồng số PL01/01012015/TNG-ĐA ngày 01/03/2016 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam và Công ty Cổ phần Quốc tế Đông Á, thời hạn vay đến ngày 31/12/2017, lãi suất 10%/năm. Tài sản đảm bảo khoản cho vay là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG992089 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CT09441 do sở tài nguyên và môi trường Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 04/10/2011.
- (2) Theo các hợp đồng vay số 120416/HĐV ngày 12/04/2016, hợp đồng vay số 16062016/HĐV ngày 16/06/2016, hợp đồng vay số 010716/HĐV ngày 01/07/2016, hợp đồng vay số 200716/HĐV ngày 20/07/2016 và hợp đồng vay số 311216/HĐV ngày 31/12/2016 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam và ông Trần Quang Thắng, thời hạn vay của các hợp đồng là 12 tháng, lãi suất là 10%/năm. Tài sản đảm bảo khoản cho vay là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 987571 và sổ Cấp giấy chứng nhận số CH00236 do UBND Huyện Đông Hỷ cấp ngày 8/8/2011.
- (3) Theo hợp đồng vay số 10/250212 ngày 25/02/2012 và phụ lục hợp đồng số 04/2016 ngày 25/02/2016, thời hạn vay 1 năm, lãi suất 10%/năm. Tài sản đảm bảo khoản cho vay là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AD344627 vào sổ Cấp giấy chứng nhận số H0335 do UBND Huyện Từ Liêm cấp ngày 15/09/2005.
- (4) Theo hợp đồng vay số 250116/HĐV ngày 25/1/2016 và phụ lục hợp đồng số PL250116/TNG-PA giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam và Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh, thời hạn vay đến ngày 31/12/2017, lãi suất 10%/năm. Tài sản đảm bảo khoản cho vay là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD917275 vào sổ cấp giấy chứng nhận số: CT32801 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành Phố Đà Nẵng cấp ngày 07/09/2016.

Hai cá nhân nhận ủy thác đầu tư nêu trên đều không phải là người liên quan đến cổ đông nội bộ, cổ đông lớn của Công ty và không phải là cổ đông Công ty.

Bảng 14: Chi tiết các khoản phải thu khác của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	31/3/2017
1	Tạm ứng cho các cá nhân	1.623	1.635	1.525
2	Phải thu ngắn hạn khác	6.024	5.025	2.592
3	Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	6.187	-	
	Tổng	13.834	6.660	4.117

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, 2016, BCTC quý I/2017 Công ty tự lập)

❖ **Công nợ phải trả:**

Bảng 15: Chi tiết các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	31/3/2017
I	Nợ ngắn hạn	327.185	294.405	309.330
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	206.863	193.900	236.415

2	Phải trả người bán	83.660	70.859	52.867
3	Người mua trả tiền trước	3.320	-	77
4	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	9.133	7.404	4.866
5	Phải trả người lao động	463	109	-
6	Phải trả ngắn hạn khác	23.745	22.133	15.104
II	Nợ dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng	327.185	294.405	309.330

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, 2016, BCTC quý I/2017 Công ty tự lập)

Bảng 16: Chi tiết các khoản phải trả người bán có giá trị lớn của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	31/3/2017
1	Công ty Cổ phần Phalco Việt Nam	5.055	13.623	15.489
2	Công ty Cổ Phần Quốc Tế Đông Á	12.067	-	
3	GLOBAL STEEL CO., LTD	35.956	49.550	15.807
4	HANGZHOU COGENERATION	13.278	5.227	5.267
5	Các đối tượng khác	17.304	2.459	16.304
	Tổng	83.660	70.859	52.867

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, 2016, BCTC quý I/2017 Công ty tự lập)

Bảng 17: Chi tiết các khoản phải trả ngắn hạn khác của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	31/3/2017
1	Tài sản thừa chờ giải quyết	659	659	659
2	Kinh phí công đoàn	9	24	
3	Bảo hiểm xã hội	6	-	
4	Bảo hiểm y tế	19	27	
5	Bảo hiểm thất nghiệp	18	27	
6	Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.034	21.396	14.445
	<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC(*)</i>	<i>20.000</i>	<i>20.000</i>	<i>-</i>
	<i>Công ty TNHH LOGISTICS TNA Việt Nam</i>	<i>1.663</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
	<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>1.370</i>	<i>1.396</i>	<i>14.445</i>
	Tổng	23.745	22.133	15.104

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, 2016, BCTC quý I/2017 Công ty tự lập)

(*) Phải trả theo Hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty Cổ phần FLC và Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam, đến thời điểm 31/01/2017 Công ty đã tất toán Hợp đồng hợp tác này.

Bảng 18: Chi tiết các khoản vay và nợ ngắn hạn của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	31/3/2017
1	Vay ngắn hạn VND Ngân hàng BIDV	162.763	173.103	205.110
2	Vay ngắn hạn VND: Đối tượng khác	22.728	5.248	250
3	Vay ngắn hạn ngoại tệ BIDV	21.372	15.549	31.055
	Tổng	206.863	193.900	236.415

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, 2016, BCTC quý I/2017 Công ty tự lập)

- (1) Khoản vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/1061128/HĐTD ngày 29/07/2016. Giới hạn tín dụng cho vay 250.000.000.000 đồng, thời hạn duy trì giới hạn tín dụng là 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng hạn mức tín dụng. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC, thời hạn ghi cụ thể trên từng khế ước vay, lãi suất được xác định trong từng khế ước cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Tài sản bảo đảm bao gồm:

+ Tài sản của Công ty và của bên thứ ba;

+ Các biện pháp bảo đảm được ký kết giữa bên vay/bên bảo đảm với ngân hàng có phạm vi bảo đảm bao gồm hợp đồng tín dụng này.

- (2) Khoản vay ngắn hạn năm 2015: Khoản vay ngắn hạn với các cá nhân, thời hạn vay quy định cụ thể trong từng hợp đồng vay, lãi suất từ 1%-3%/tháng.

Khoản vay ngắn hạn năm 2016: Khoản vay ngắn hạn với các cá nhân, thời hạn vay 1 năm, lãi suất 0%, chi tiết như sau:

+ Khoản vay ngắn hạn của bà Kim Thúy Nga theo hợp đồng số 02032015/HĐV-TNG ngày 02/03/2015 và phụ lục hợp đồng số 01/020315/HĐV-TNG ngày 25/02/2016, thời hạn vay đến ngày 24/2/2017, lãi suất vay 0%.

+ Khoản vay ngắn hạn của ông Nguyễn Văn Quân theo hợp đồng số 130415/HĐV-TNG ngày 13/04/2015 và phụ lục hợp đồng số PL01130415/HĐV-TNG ngày 01/04/2016, thời hạn vay đến ngày 31/3/2017, lãi suất vay 0%.

Tất cả các khoản vay cá nhân nêu trên đều không phải là người liên quan đến cổ đông nội bộ, cổ đông lớn của Công ty và không phải là cổ đông Công ty

10.2. Tình hình đầu tư tài chính

TT	Hợp đồng hợp tác đầu tư	31/12/2016
I	Đầu tư ngắn hạn	

1	Tiền gửi có kỳ hạn	7.100.000.000
2	Hợp đồng hợp tác đầu tư	55.081.200.000
	<i>Bà Vũ Thị Trang (1)</i>	14.730.000.000
	<i>Bà Đào Thị Hương (2)</i>	15.700.000.000
	<i>Ông Vũ Minh Quân (3)</i>	6.000.000.000
	<i>Ông Nguyễn Tuấn Mạnh (4)</i>	18.651.200.000
II	Đầu tư dài hạn	6.000.000.000
1	Tiền gửi có kỳ hạn	6.000.000.000
	Tổng	68.181.200.000

Trong năm 2016, Công ty Hợp tác đầu tư với các cá nhân để đầu tư bất động sản với thời hạn hợp tác là 12 tháng. Lợi tức hợp tác kinh doanh được hưởng theo kết quả kinh doanh của bên mà Công ty tham gia hợp tác trong thời gian hợp tác, dự kiến được hưởng ¼ lợi nhuận kinh doanh mà bên công ty tham gia hợp tác đạt được trong kỳ nhưng trong mọi trường hợp không thấp hơn số tiền tính bằng tiền gốc mà Công ty đã giao cho bên B nhân với lãi suất tối thiểu bằng lãi suất cho vay của ngân hàng BIDV

- (1) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 12122016/HTĐT-TNG ngày 12/12/2016 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam (sau đây gọi tắt là “Bên A”) và bà Vũ Thị Trang (sau đây gọi tắt là “Bên B”), thời hạn hợp tác là 12 tháng kể từ ngày bên A chuyển cho bên B đủ số tiền hợp tác kinh doanh. Mục đích ủy thác đầu tư: Đầu tư vào lô đất số A35 thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 756, khu phức hợp đô thị thuộc Sơn Trà, Điện Ngọc, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, diện tích 399,3 m2.
- (2) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01122016/HTĐT-TNG ngày 01/12/2016 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam (sau đây gọi tắt là “Bên A”) và bà Đào Thị Thu Hương (sau đây gọi tắt là “Bên B”), thời hạn hợp tác là 12 tháng kể từ ngày bên A chuyển cho bên B đủ số tiền hợp tác kinh doanh. Mục đích ủy thác đầu tư: Đầu tư Lô C5 thuộc khu C khu phức hợp đô thị, thương mại và dịch vụ cao tầng, đầu tuyến Sơn Trà, Điện Ngọc, phường Thọ Quang, Sơn Trà, Đà Nẵng, diện tích 428 m2.
- (3) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 30122016/HTĐT-TNG ngày 30/12/2016 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam (sau đây gọi tắt là “Bên A”) và ông Vũ Minh Quân (sau đây gọi tắt là “Bên B”), thời hạn hợp tác là 12 tháng kể từ ngày bên A chuyển cho bên B đủ số tiền hợp tác kinh doanh. Mục đích ủy thác đầu tư: Đầu tư vào thửa đất số B3-4-21, tờ bản đồ số Harbour Ville, phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, diện tích 296,3 m2.
- (4) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02122016/HTĐT-TNG ngày 02/12/2016 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam (sau đây gọi tắt là “Bên A”) và ông Nguyễn Tuấn

Mạnh (sau đây gọi tắt là “Bên B”), thời hạn hợp tác là 12 tháng kể từ ngày bên A chuyển cho bên B đủ số tiền hợp tác kinh doanh. Mục đích ủy thác đầu tư: Lô A1 thuộc khu A khu phức hợp đô thị, thương mại và dịch vụ cao tầng, đầu tuyến Sơn Trà, Điện Ngọc, phường Thọ Quang, Sơn Trà, Đà Nẵng, diện tích 1.000 m2.

Tất cả các nhân được ủy thác nêu trên đều không phải là người liên quan đến cổ đông nội bộ, cổ đông lớn của Công ty và không phải là cổ đông Công ty.

10.3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 19: Các chỉ tiêu tài chính năm 2015 và năm 2016

STT	Khoản mục	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
I.	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,76	1,24
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,42	0,78
II.	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,60	0,56
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,48	1,26
III.	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Vòng quay hàng tồn kho	vòng	10,38	5,42
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	2,34	1,32
IV.	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (*)			
1	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,86%	1,97%
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	5,12%	6,12%
3	Hệ số lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản bình quân	%	2,00%	2,59%
4	Tỷ suất lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,17%	2,70%

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, 2016 của Thành Nam Group)

11. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

Bảng 20: Danh sách thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ
I	Hội đồng quản trị	

1	Nguyễn Hùng Cường	Chủ tịch HĐQT
2	Đỗ Thị Thanh Hương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
3	Vũ Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT
4	Trịnh Văn Đại	Thành viên HĐQT độc lập
5	Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên HĐQT độc lập
II	Ban Giám đốc	
1	Đỗ Thị Thanh Hương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Hoàng Hải	Phó Tổng Giám đốc
III	Ban Kiểm soát	
1	Lê Thị Cẩm Anh	Trưởng BKS
2	Đào Thị Thu Hương	Thành viên BKS
3	Hà Thị An	Thành viên BKS
IV	Kế toán trưởng	
1	Hà Thị Hải Vân	Kế toán trưởng

Lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng:

a. Ông Nguyễn Hùng Cường - Chủ tịch HĐQT

1. Họ và tên : Nguyễn Hùng Cường
2. Giới tính : Nam
3. Ngày tháng năm sinh : 26/05/1977
4. Nơi sinh : Hà Nội
5. CMND : 011895935 do Công An Hà nội cấp ngày 24/07/2010
6. Quốc tịch : Việt Nam
7. Dân tộc : Kinh
8. Địa chỉ thường trú : Phòng 1402 A, chung cư FLC, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội
9. Số điện thoại liên hệ : (04) 3787 1397
10. Trình độ học vấn: : Cử nhân kinh tế - Đại học Ngoại Thương
11. Quá trình công tác: :

2004 - 3/2015 CTCP Tập đoàn Thành Nam

Tổng giám đốc kiêm chủ tịch HĐQT

3/2015 - nay	CTCP Tập đoàn Thành Nam	Chủ tịch HĐQT
5/2012 - 09/2014	Công ty TNHH Inox Thành Nam	Chủ tịch HĐQT
10/2014 – 2/2017	CTCP Inox Thành Nam (nay là CTCP Quốc tế Phương Anh)	Chủ tịch HĐQT
07/2015 – nay	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thành Minh	Chủ tịch HĐQT

12. Chức vụ công tác hiện nay:

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết : Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn Thành Nam
- Chức vụ tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thành Minh

13. Tổng số cổ phần nắm giữ : 1.392.400 cổ phần, chiếm 6,63% vốn điều lệ
Trong đó

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu : 1.392.400 cổ phần, chiếm 6,63% vốn điều lệ

14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

15. Sở hữu chứng khoán công ty của những người có liên quan : 1.403.900 cổ phần, chiếm 6,6852% vốn điều lệ

Cụ thể:

- Mẹ: Nguyễn Thị Hương : 4.900 cổ phần, chiếm 0,0233% vốn điều lệ
- Vợ: Vũ Thị Thu Hương : 1.231.300 cổ phần, chiếm 5,8633% vốn điều lệ
- Em: Nguyễn Xuân Thu : 165.900 cổ phần, chiếm 0,79% vốn điều lệ
- Em: Nguyễn Thị Thanh Nga : 1.800 cổ phần, chiếm 0,0086% vốn điều lệ

16. Những khoản nợ đối với Công ty : Không có

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có

18. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

b. Bà Đỗ Thị Thanh Hương – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- 1 Họ và tên : Đỗ Thị Thanh Hương
- 2 Giới tính : Nữ
- 3 Ngày tháng năm sinh : Ngày 09 tháng 10 năm 1978
- 4 Nơi sinh : Hà Nội
- 5 CMND : 001178000831 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 18/10/2013
- 6 Quốc tịch : Việt Nam

- 7 Dân tộc : Kinh
- 8 Địa chỉ thường trú : 12A tầng 3, toà R2A, Royal city, 72A Đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
- 9 Số điện thoại liên hệ : (04) 3787 1397
- 10 Trình độ học vấn: : Cử nhân Tài chính kế toán
- 11 Quá trình công tác: :
- | | | |
|-------------------|-------------------------------------|--|
| 2010 - 11/2014 | CTCP Tập đoàn Thành Nam | Kế toán trưởng |
| 11/2014 - 06/2015 | CTCP Tập đoàn Thành Nam | Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng kiêm Phó Tổng giám đốc |
| 06/2015 – 02/2017 | CTCP Tập đoàn Thành Nam | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc |
| 02/2017 đến nay | CTCP Tập đoàn Thành Nam | Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc |
| 4/2012 - 11/2012 | Công ty TNHH Logistics TNA Việt Nam | Giám đốc |
| 12/2012 - 11/2014 | Công ty TNHH Logistics TNA Việt Nam | Chủ tịch |
- 12 Chức vụ công tác hiện nay:
- Chức vụ tại tổ chức niêm yết : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Thành Nam
 - Chức vụ tại công ty khác : Không
- 13 Tổng số cổ phần nắm giữ : 1.089.900 cổ phần, chiếm 5,19% vốn điều lệ
- Trong đó
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu : 1.089.900 cổ phần, chiếm 5,19% vốn điều lệ
- 14 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- 15 Sở hữu chứng khoán công ty của những người có liên quan
- Cụ thể:
- Em: Đỗ Thị Thanh Tâm* : 300 cổ phần, chiếm 0,0014% vốn điều lệ
- 16 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
- 17 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
- 18 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

c. Bà Vũ Thị Thu Hương – Thành viên HĐQT

1. Họ và tên : Vũ Thị Thu Hương
2. Giới tính : Nữ
3. Ngày tháng năm sinh : 06/07/1981
4. Nơi sinh : Hà Nội
5. CMND : 030181000030 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 01/07/2013
6. Quốc tịch : Việt Nam
7. Dân tộc : Kinh
8. Địa chỉ thường trú : Phòng 1402 A, chung cư FLC, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội
9. Số điện thoại liên hệ : (04) 3787 1397
10. Trình độ học vấn : Cử nhân Đại học Công Đoàn Hà Nội

11. Quá trình công tác:

6/2013 - 02/2015	CTCP Tập đoàn Thành Nam	Nhân viên Kinh doanh
03/2015 – 05/2015	CTCP Tập đoàn Thành Nam	Tổng giám đốc
05/2015 – 02/2017	CTCP Tập đoàn Thành Nam	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
02/2017 đến nay	CTCP Tập đoàn Thành Nam	Thành viên HĐQT
02/2017 đến nay	CTCP Quốc tế Phương Anh	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
12/2014 - nay	Công ty TNHH Logistics TNA Việt Nam	Chủ tịch HĐQT

12. Chức vụ công tác hiện nay:

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết : Thành viên HĐQT
- Chức vụ tại tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Logistics TNA Việt Nam
Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Quốc tế Phương Anh

13. Tổng số cổ phần nắm giữ : 1.231.300 cổ phần, chiếm 5,86% vốn điều lệ
- Trong đó
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu : 1.231.300 cổ phần, chiếm 5,86% vốn điều lệ

14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
15. Sở hữu chứng khoán công ty của những người có liên quan : 1.393.800 cổ phần, chiếm 6,6371% vốn điều lệ
- Cụ thể:*
- Bố: Vũ Đức Bình : 500 cổ phần, chiếm 0,0024% vốn điều lệ*
- Me: Nguyễn Thị Hồng : 100 cổ phần, chiếm 0,0005% vốn điều lệ*
- Chồng: Nguyễn Hùng Cường : 1.392.400 cổ phần, chiếm 6,6305% vốn điều lệ*
- Em: Vũ Đức Minh : 800 cổ phần, chiếm 0,0038% vốn điều lệ*
16. Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
17. Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
18. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

d. Ông Trịnh Văn Đại – Thành viên HĐQT

- 1 Họ và tên : Trịnh Văn Đại
- 2 Giới tính : Nam
- 3 Ngày tháng năm sinh : 01/09/1966
- 4 Nơi sinh : Vĩnh Phúc
- 5 CMND : 026066000002 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 29/01/2013
- 6 Quốc tịch : Việt Nam
- 7 Dân tộc : Kinh
- 8 Địa chỉ thường trú : 3004A Tòa nhà FLC Landmark Tower, Lê Đức Thọ, P. Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội
- 9 Số điện thoại liên hệ : (04) 3787 1397
- 10 Trình độ học vấn: : Cử nhân kinh tế Đại học Thương mại
- 11 Quá trình công tác: :
- | | | |
|----------------|--|------------------|
| 2000 - 2006 | Kho KT887, Cục Kỹ thuật Binh chủng, Tổng cục kỹ thuật, Bộ Quốc phòng | Sĩ quan quân đội |
| 2006 - nay | Công ty cổ phần Đầu tư tài chính và Quản lý tài sản RTS | Thành viên HĐQT |
| 2013 - nay | Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Tòa nhà Ion Complex | Thành viên HĐQT |
| 7/2014 đến nay | CTCP Tập đoàn Thành Nam | Thành viên HĐQT |

12 Chức vụ công tác hiện nay:

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết : Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Thành Nam
 - Chức vụ tại tổ chức khác : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư tài chính và Quản lý tài sản RTS
Thành viên HĐQT Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Tòa nhà Ion Complex
- 13 Tổng số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- 14 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- 15 Sở hữu chứng khoán công ty của những người có liên quan : Không có
- 16 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
- 17 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
- 18 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

e. Ông Nguyễn Văn Mạnh – Thành viên HĐQT

- 1 Họ và tên : Nguyễn Văn Mạnh
 - 2 Giới tính : Nam
 - 3 Ngày tháng năm sinh : 05/10/1977
 - 4 Nơi sinh : Vĩnh Phúc
 - 5 CMND : 026077000036 do Cục Cảnh sát Đăng ký quản lý cư trú và Dữ liệu quốc gia về dân cư cấp ngày 09/06/2014
 - 6 Quốc tịch : Việt Nam
 - 7 Dân tộc : Kinh
 - 8 Địa chỉ thường trú : Phòng 06B, Tầng 25, Chung cư FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
 - 9 Số điện thoại liên hệ : (04) 3787 1397
 - 10 Trình độ học vấn : Cử nhân luật – Đại học Luật Hà Nội
 - 11 Quá trình công tác: :
- | | | |
|-------------|------------------------------------|-----------------|
| 2003 - 2009 | Công ty TNHH Hải Châu | Thành viên HĐQT |
| 2011- nay | Công ty TNHH Hải Châu | Thành viên HĐQT |
| 2014 - nay | Công ty TNHH Đầu tư R.O.R Việt Nam | Chủ tịch HĐQT |

07/2014 - nay CTCP Tập đoàn Thành Nam. Thành viên HĐQT

12 Chức vụ công tác hiện nay:

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết : Thành viên HĐQT tại CTCP Tập đoàn Thành Nam.

- Chức vụ tại tổ chức khác : Thành viên HĐQT Công ty TNHH Hải Châu.
 Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Đầu tư R.O.R Việt Nam.

13 Tổng số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

14 Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

15 Sở hữu chứng khoán công ty của : Không có
 những người có liên quan

16 Những khoản nợ đối với Công ty : Không có

17 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có

18 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

f. Bà Lê Thị Cẩm Anh – Trưởng ban kiểm soát

1. Họ và tên : Lê Thị Cẩm Anh

2. Giới tính : Nữ

3. Ngày tháng năm sinh : 03/12/1991

4. Nơi sinh : Quang Hanh, Cẩm Phả, Quảng Ninh

5. CMND : 101158483 cấp ngày: 04/05/2011, tại: Quảng Ninh

6. Quốc tịch : Việt Nam

7. Dân tộc : Kinh

8. Địa chỉ thường trú : Quang Hanh, Cẩm Phả, Quảng Ninh

9. Số điện thoại liên hệ : 0922642858

10. Trình độ học vấn: : Đại học Quốc gia Hà Nội

11. Quá trình công tác :

2014 – 12/2016 Công ty TNHH XNK Thành Minh Chức vụ: Phó phòng Kế toán

05/2016 - nay Công ty CP Tập đoàn Thành Nam Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

12. Chức vụ công tác hiện nay : Trưởng ban kiểm soát CTCP Tập đoàn Thành Nam

13. Tổng số cổ phần nắm giữ : 700 cổ phần, chiếm 0,0033% vốn điều lệ

- Trong đó
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu : 700 cổ phần, chiếm 0,0033% vốn điều lệ
14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
15. Sở hữu chứng khoán công ty của những người có liên quan : 100 cổ phần, chiếm 0,0005% vốn điều lệ
- Cụ thể:
- Bố: Lê Xuân Hiệp* : 100 cổ phần, chiếm 0,0005% vốn điều lệ
16. Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
17. Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
18. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có
- g. Bà Đào Thị Thu Hương– Thành viên Ban kiểm soát**
1. Họ và tên : Đào Thị Thu Hương
 2. Giới tính : Nữ
 3. Ngày tháng năm sinh : 27/07/1989
 4. Nơi sinh : Nghĩa Trụ, Văn Giang, Hưng Yên
 5. CMND : 145310066, cấp ngày: 01/07/2007, tại: Hưng Yên
 6. Quốc tịch : Việt Nam
 7. Dân tộc : Kinh
 8. Địa chỉ thường trú : Long Vỹ, Thanh Long, Yên Mỹ, Hưng Yên
 9. Số điện thoại liên hệ : 01692 144 797
 10. Trình độ học vấn: : Đại học Sao Đỏ
 11. Quá trình công tác :
- | | | |
|---------------|--------------------------------|----------------------------|
| 2010 - 2014 | Công ty TNHH Inox Thành Nam | Chức vụ: Nhân viên kế toán |
| 2014–03/2016 | Công ty cổ phần Inox Thành Nam | Chức vụ: Nhân viên kế toán |
| 04/2016 – nay | Công ty CP Quốc tế Phương Anh | Chức vụ: Nhân viên kế toán |
12. Chức vụ công tác hiện nay : Nhân viên Kế Toán Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh
Thành viên ban kiểm soát CTCP Tập đoàn Thành Nam
 13. Tổng số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
15. Sở hữu chứng khoán công ty của những người có liên quan : 100 cổ phần, chiếm 0,0005% vốn điều lệ
- Cụ thể:
- Anh: Đào Ngọc Hưng : 100 cổ phần, chiếm 0,0005% vốn điều lệ
16. Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
17. Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
18. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

h. Bà Hà Thị An – Thành viên Ban kiểm soát

1. Họ và tên : Hà Thị An
2. Giới tính : Nữ
3. Ngày tháng năm sinh : 27/03/1990
4. Nơi sinh : Thôn 1, Tân Hương, Ninh Giang, Hải Dương
5. CMND : 142439531, cấp ngày: 06/05/2009, tại Hải Dương
6. Quốc tịch : Việt Nam
7. Dân tộc : Kinh
8. Địa chỉ thường trú : Thôn 1, Tân Hương, Ninh Giang, Hải Dương
9. Số điện thoại liên hệ : 043 7871396
10. Trình độ học vấn: : Cao đẳng Kỹ thuật Hải Dương
11. Quá trình công tác :

2014 – 2015	Công ty XNK & XD Gia Phát	Chức vụ: Kế toán kho
2015 – 03/2016	Công ty CP Inox Thành Nam	Chức vụ: Nhân viên chuyên trách
04/2016 – nay	Công ty CP Quốc tế Phương Anh	Chức vụ: Nhân viên Hành chính
05/2016 - nay	Công ty CP Tập đoàn Thành Nam	Chức vụ: Thành viên BKS CTCP TĐ Thành Nam

12. Chức vụ công tác hiện nay: : Nhân viên Hành chính Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh
- Thành viên ban kiểm soát CTCP Tập đoàn Thành Nam
13. Tổng số cổ phần nắm giữ : 600 cổ phần, chiếm 0,0029% vốn điều lệ

Trong đó		
- Đại diện sở hữu	:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu	:	600 cổ phần, chiếm 0,0029% vốn điều lệ
14. Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không có
15. Sở hữu chứng khoán công ty của những người có liên quan	:	3.700 cổ phần, chiếm 0,0177% vốn điều lệ
Cụ thể:		
Mẹ: Vũ Thị Thái	:	3.500 cổ phần, chiếm 0,0167% vốn điều lệ
Anh: Hà Thao Trường	:	200 cổ phần, chiếm 0,0010% vốn điều lệ
16. Những khoản nợ đối với Công ty	:	Không có
17. Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Không có
18. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	:	Không có
i. Ông Hoàng Hải – Phó Tổng Giám đốc		
1. Họ và tên	:	Hoàng Hải
2. Giới tính	:	Nam
3. Ngày tháng năm sinh	:	18/12/1983
4. Nơi sinh	:	Thái Bình
5. CMND	:	034083000112 cấp ngày 09/05/2014 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
6. Quốc tịch	:	Việt Nam
7. Dân tộc	:	Kinh
8. Địa chỉ thường trú	:	Thôn An Tứ, xã Nam Hải, Tiền Hải, Thái Bình
9. Số điện thoại liên hệ	:	043 7871397
10. Trình độ học vấn:	:	Trung cấp kỹ thuật sư phạm TP. Hồ Chí Minh
11. Quá trình công tác:		
2004 - 2006	CT TNHH Nam Cường	Nhân viên Kinh doanh
2006 - 2008	CT TNHH Hoàng Mai	Nhân viên Kinh doanh
2008 - 2010	CT TNHH Inox Gia Anh	Nhân viên Kinh doanh
2010 - 2014	CTCP Tập đoàn Thành Nam	Trưởng phòng Kinh doanh nội địa
04/2015 đến nay	CTCP Tập đoàn Thành Nam	Phó Tổng giám đốc

12. Chức vụ công tác hiện nay:
- Chức vụ tại tổ chức niêm yết : Phó tổng giám đốc CTCP Tập đoàn Thành Nam
 - Chức vụ tại tổ chức khác : Không có
13. Tổng số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
15. Sở hữu chứng khoán công ty của những người có liên quan : 300 cổ phần, chiếm 0,0015% vốn điều lệ
- Cụ thể:
- Mẹ: Nguyễn Thị Loát : 100 cổ phần, chiếm 0,0005% vốn điều lệ
 - Anh: Hoàng Văn Nam : 100 cổ phần, chiếm 0,0005% vốn điều lệ
 - Vợ: Đàm Thị Yên : 100 cổ phần, chiếm 0,0005% vốn điều lệ
16. Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
17. Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
18. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

j. Bà Hà Thị Hải Vân – Kế toán trưởng

- 1. Họ và tên : Hà Thị Hải Vân
 - 2. Giới tính : Nữ
 - 3. Ngày tháng năm sinh : 15/12/1979
 - 4. Nơi sinh : Việt Trì, Phú Thọ
 - 5. CMND : 013459114 do Công An Hà nội cấp ngày 11/08/2011
 - 6. Quốc tịch : Việt Nam
 - 7. Dân tộc : Kinh
 - 8. Địa chỉ thường trú : Xóm Giữa, xã Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội
 - 9. Số điện thoại liên hệ : (04) 3787 1397
 - 10. Trình độ học vấn: : Cử nhân Đại học Thương Mại Hà Nội
 - 11. Quá trình công tác: :
- | | | |
|---------------------|---|------------------|
| Từ 2001 - 2003 | Công ty TNHH TM Thiên Giang | Kế toán tổng hợp |
| Từ 2003 - 2011 | Công ty CP SX&XNK Đông Nam Á | Kế toán trưởng |
| Từ 8/2011 - 05/2015 | Công ty TNHH 1TV Tân Hà 2 (thuộc CTCP Xây lắp và thương mại Trường Lộc) | Kế toán trưởng |

- Từ 6/2015 đến nay CTCP Tập đoàn Thành Nam Kế toán trưởng
12. Chức vụ công tác hiện nay:
- Chức vụ tại tổ chức niêm yết : Kế toán trưởng CTCP Tập đoàn Thành Nam
 - Chức vụ tại tổ chức khác : Không
13. Tổng số cổ phần nắm giữ : 5.000 cổ phần, chiếm 0,0238% vốn điều lệ
- Trong đó
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu : 5.000 cổ phần, chiếm 0,0238% vốn điều lệ
14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
15. Sở hữu chứng khoán công ty của những người có liên quan : 100 cổ phần, chiếm 0,0005% vốn điều lệ
- Cụ thể:
- Chồng: Vũ Thế Phước : 100 cổ phần, chiếm 0,0005% vốn điều lệ
16. Những khoản nợ đối với Công ty : Không có
17. Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có
18. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

12. Tài sản

Bảng 21: Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2016 và 31/3/2017

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Khoản mục	31/12/2016			31/3/2017		
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ nguyên giá	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ nguyên giá
I	Tài sản cố định hữu hình	14.373	4.273	29,73%	14.373	3.992	27,77%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	2.902	2.096	72,23%	2.902	2.047	70,54%
2	Máy móc thiết bị	188	-	-	188	-	-
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10.570	2.177	20,60%	10.570	1.944	18,39%
4	Thiết bị dụng cụ	714	-	-	714	-	-

quản lý							
II	Tài sản cố định vô hình	347	90	25,94%	347	78	22,48%
1	Nhãn hiệu hàng hóa	49	45	91,84%	49	44	89,80%
2	Phần mềm máy tính	298	45	15,10%	298	34	11,41%
Tổng cộng (I+II)		14.720	4.363	29,64	14.720	4.070	27,65%

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, 2016, BCTC quý I/2017 Công ty tự lập)

(*) Kho chứa hàng tại Bình Dương công ty xây dựng trên diện tích đất thuê 1.131,5 m² tại số 185, Đường ĐT743, Khu phố Chiêu Liêu, Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Ngoài kho tại Bình Dương, Công ty có thuê 02 kho chứa hàng tại Hưng yên và Thành phố Hồ Chí Minh để lưu trữ hàng hóa, thông tin chi tiết như sau:

- Kho hàng tại Hưng yên:

+ Địa chỉ: Thôn Tứ Mỹ, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên.

+ Diện tích thuê: 10.000 m².

+ Thời gian thuê: đến 31/12/2035.

- Kho hàng tại Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Địa chỉ: 82 Nguyễn Văn Cự, phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Diện tích: 4.000m².

+ Thời gian thuê: đến 30/9/2036.

Bảng 22: Giá trị tài sản dở dang dài hạn

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016	31/3/2017
I.	Tài sản dở dang dài hạn	878	878	878
1	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	878	878	878
	Đầu tư lắp đặt phần mềm ERP(*)	878	878	878

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, 2016, BCTC quý I/2017 Công ty tự lập)

(*) ERP là một giải pháp phần mềm hiện đại ra đời với mục đích hỗ trợ việc quản trị một công ty. Chức năng chính của ERP là tích hợp tất cả mọi phòng ban, mọi chức năng của công ty lại trong một hệ thống máy tính duy nhất để dễ theo dõi hơn.

Bảng 23: Giá trị Bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016	31/3/2017
1	Bất động sản đầu tư	285.460	152.925	152.925

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, 2016, BCTC quý I/2017 Công ty tự lập)

Chi tiết các bất động sản Công ty đầu tư và chuyển nhượng trong năm 2015-2016 như sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Thửa đất	Địa chỉ	Giá trị đầu tư	Giá trị đã chuyển nhượng
1	Sổ đỏ số BT918325	Đường Hoàng Sa, phường Mân Thái, Sơn Trà, Đà Nẵng.	11.005.500.000	11.500.000.000
2	Sổ đỏ số DD314551	Số 24, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội.	33.570.000.000	34.000.000.000
3	Sổ đỏ số BQ424804	Số 28, đường Hoàng Sa, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, Đà Nẵng.	9.756.000.000	9.756.000.000
4	Sổ đỏ số BQ424805	Số 27, đường Hoàng Sa, Thọ Quang, quận Sơn Trà, Đà Nẵng.	9.738.000.000	9.738.000.000
5	Sổ đỏ số AM579830	thửa đất số 29-2 tờ bản đồ số 09, Tò 5 phường Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội.	6.066.000.000	6.100.000.000
6	Sổ đỏ số BB051498	Thôn Sỗ, xã Ba Vì, huyện Ba Vì, TP Hà Nội.	27.075.000.000	27.075.000.000
7	Sổ đỏ số BG108323	tại Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội.	3.230.000.000	3.230.000.000
8	Sổ đỏ số AQ058083	Địa Đùng, Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội.	5.407.000.000	5.407.000.000
9	Sổ đỏ số AD722217	tại Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội.	26.687.500.000	26.687.500.000

10	Số đo số BR729560	Lô số 19 thuộc lô A1.1 đường Hoàng Sa, phường Mân Thái, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng.	152.925.000.000	
	Tổng		285.460.000.000	133.493.500.000

Năm 2015, Công ty đầu tư vào 10 thửa đất, nguyên giá bất động sản đầu tư tại thời điểm 31/12/2015 là 285.460 triệu đồng. Trong năm 2016, Công ty đã chuyển nhượng 9 thửa đất nhỏ thu về 132.535 triệu đồng nguyên giá và 958,5 triệu đồng lãi chuyển nhượng bất động sản.

Tại thời điểm 31/3/2017, số dư cuối kỳ tài khoản bất động sản đầu tư là 152.925 triệu đồng, đây là giá trị quyền sử dụng đất của thửa đất Lô A1.1, đường Hoàng Sa, phường Mân Thái, quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng.

Đây là bất động sản đầu tư mục tiêu ban đầu nắm giữ chờ tăng giá. Tuy nhiên, định hướng Công ty mở rộng phân phối sản phẩm tại thị trường miền trung, nên Công ty có kế hoạch xây dựng văn phòng đại diện tại Đà Nẵng trên thửa đất này, từ đó từng bước thâm nhập và phát triển kinh doanh của Công ty tại khu vực Miền Trung.

13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

Bảng 24: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016	Năm 2017		Năm 2018	
		Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2016	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2017
Vốn điều lệ	200.000	210.000	5%	210.000	0%
Doanh thu thuần	709.018	1.000.000	41,04%	1.100.000	10,00%
Lợi nhuận sau thuế	13.934	20.000	43,53%	22.000	10,00%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,97%	2,00%	0,03%	2,00%	0%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	6,97%	9,52%	2,56%	10,48%	0,95%
Cổ tức	5%	5%	-	7%	2%

Nguồn: Thanh Nam Group

Kế hoạch lợi nhuận năm 2017 của Công ty được xây dựng trên cơ sở diễn biến thị trường thép Việt Nam năm 2016 và dự báo thị trường trong năm 2017.

Thị trường thép trong năm 2017 được dự báo sẽ tăng trưởng 12% so với năm 2016 và giá thép cũng được dự báo sẽ tăng do giá nguyên vật liệu nhiều khả năng tiếp tục ở mức cao. Ngoài ra, thị trường thép dân dụng được kỳ vọng tiếp tục sôi động, nhu cầu xây dựng tăng cao, do đó các chỉ tiêu hiệu quả hoạt động kinh doanh được dự kiến tăng so với năm 2016.

Kế hoạch Doanh thu, lợi nhuận năm 2017 dự kiến của Công ty đạt được do Công ty thỏa thuận nguyên tắc cung cấp hàng cho một số khách hàng truyền thống của Công ty, bên cạnh đó Công ty đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu và bán lẻ. Kế hoạch phân phối của Công ty hằng tháng với các khách hàng như sau:

STT	Tên khách hàng		Giá trị hàng tháng Công ty cung cấp (đồng)
I	Trong nước		
1	Công ty cổ phần Quốc tế Phương Anh	Thôn Tứ Mỹ, xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	12.400.000.000
2	Công ty cổ phần sản xuất thép Vina	Tầng 2, khu CC cao tầng Trung Yên 1, Cầu Giấy, HN	9.800.000.000
3	Công ty cổ phần Quốc tế Đông Á	Số 479, khu phố 5, Thị trấn Cổ Phúc,	6.000.000.000
4	Công ty TNHH một thành viên cơ khí 83	Xã Minh Quán, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	3.000.000.000
5	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Toàn Thuận	Tổ dân phố 6, phường La Khê, Hà Đông	4.000.000.000
6	Công ty TNHH TM Một thành viên Hoàng Gia Bảo	Số 615 đường Cách mạng tháng 8, phường 15, quận 10, TP Hồ Chí Minh	4.700.000.000
7	Công ty TNHH thương mại Thép công nghiệp	Số 109, ngõ 53 phố Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà nội	2.000.000.000
8	Công ty cổ phần Thương Mại Thành Công	Thôn Tân Tiến, xã Gia phú, huyện Bảo Thắng, Lào Cai	4.000.000.000
9	Công ty TNHH công nghệ Cosmos 1	Khu công nghiệp Thụy Vân, xã Thụy Vân, Việt Trì, Phú Thọ	1.500.000.000

STT	Tên khách hàng		Giá trị hàng tháng Công ty cung cấp (đồng)
10	Công ty TNHH thương mại Bùi Gia	Số 8D Tổng cục Hậu cần, phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Hà nội	1.500.000.000
11	Công ty TNHH sản xuất và phát triển thương mại Việt Linh	Xóm 7A, thôn Yên Ngưu, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, HN	1.500.000.000
12	Công ty TNHH SX và thương mại Đại Thủy	Cụm công nghiệp Khắc Niệm, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	4.000.000.000
13	Các khách hàng lẻ khác		10.000.000.000
II	Xuất khẩu		
14	Kế hoạch xuất khẩu		12.000.000.000
	Tổng		84.000.000.000

Kế hoạch năm 2018 của Công ty được xây dựng trên cơ sở đánh giá thị trường thép tiếp tục tăng trưởng trong những năm tới. Doanh thu năm 2018 dự kiến tăng 10% so với năm 2017 căn cứ khả năng phân phối của Công ty tại thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu.

Thị trường nội địa: Là thị trường mang doanh thu chính cho Công ty và dự kiến năm 2018 tăng tối thiểu 10% so với năm 2017, bằng việc duy trì hợp đồng cung cấp với khách hàng truyền thống đảm bảo doanh số với các khách hàng này tối thiểu như năm 2017. Ngoài ra, Công ty đang từng bước mở rộng phân phối các khách hàng tổ chức mới và từng bước thâm nhập thị trường khu vực Miền Trung. Đối với khách hàng lẻ, Công ty đa dạng hóa sản phẩm cung cấp bằng cách nhập thêm các mẫu mới đáp ứng đa dạng nhu cầu của khách hàng.

Thị trường xuất khẩu: Mặc dù doanh thu xuất khẩu chiếm khoảng 10% tổng doanh thu của Công ty, nhưng đây là lĩnh vực Công ty mở rộng và phát triển trong thời gian tới, ngay từ đầu năm 2017 Công ty đã tham gia các hội trợ xúc tiến thương mại tại Hàn Quốc, Ấn Độ, Singapore... để giới thiệu các sản phẩm Công ty phân phối và đặt mục tiêu xuất khẩu năm 2018 tăng tối thiểu 50% so với năm 2017.

14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.

Đối với chỉ tiêu vốn điều lệ, trong tháng 01/2017, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101515686 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 17/07/2009, thay đổi lần thứ 11 ngày 20/02/2017, Công ty hoạt động với vốn điều lệ là 210 tỷ đồng. Như vậy, việc tăng vốn điều lệ của Công ty đã được thực hiện đúng như kế hoạch đề ra.

Đối với kế hoạch kinh doanh 2017, với những dự báo tích cực về thị trường thép năm 2017, các chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh của Công ty là khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức đăng ký niêm yết
Không có

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết
Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

- | | |
|---|------------------------|
| 1. Loại chứng khoán: | Cổ phiếu phổ thông |
| 2. Mệnh giá: | 10.000 VNĐ/01 cổ phiếu |
| 3. Tổng số chứng khoán niêm yết: | 21.000.000 cổ phiếu |
| 4. Mã chứng khoán: | TNI |
| 5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: | |

Theo quy định tại Khoản 1d, Điều 54 Nghị định 58/NĐ-CP/2012 ngày 20/7/2012 của Chính phủ về việc Hướng dẫn thi hành một số điều Luật chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo.

Bảng 25: Danh sách cổ đông hạn chế chuyển nhượng

TT	Họ và tên	Chức danh	SL CK hạn chế chuyển nhượng trong 6 tháng (cổ phiếu)	SL CK hạn chế chuyển nhượng trong 1 năm (cổ phiếu)

TT	Họ và tên	Chức danh	SL CK hạn chế chuyển nhượng trong 6 tháng (cổ phiếu)	SL CK hạn chế chuyển nhượng trong 1 năm (cổ phiếu)
1	Nguyễn Hùng Cường	Chủ tịch HĐQT	1.392.400	696.200
2	Đỗ Thị Thanh Hương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	1.089.900	544.950
3	Vũ Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT	1.231.300	615.650
4	Lê Thị Cẩm Anh	Trưởng BKS	700	350
5	Hà Thị An	Thành viên BKS	600	300
6	Hà Thị Hải Vân	Kế toán trưởng	5.000	2.500
Tổng cộng			3.719.900	1.859.950

Nguồn: Thanh Nam Group

6. Phương pháp tính giá:

- Giá trị sổ sách (BV)**

Công thức tính: BV của 01 cổ phiếu = Vốn chủ sở hữu/Tổng số cổ phiếu đang lưu hành

Bảng 26: Giá trị sổ sách cổ phiếu tại 31/12/2016

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016
Vốn chủ sở hữu	234.533.541.150
Số cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000
Giá trị sổ sách (BV)	11.726

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016

- Phương pháp P/E**

Công thức tính: $P = EPS \times P/E_{bq}$

Trong đó:

P: Giá trị 1 cổ phiếu theo phương pháp P/E

EPS: Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu

P/E_{bq} : Được tính dựa trên tổng hợp P/E cơ bản của một số công ty trong ngành có nhiều sự tương đồng với Thanh Nam Group đang niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Bảng 27: P/E bình quân của doanh nghiệp cùng ngành

Mã cổ phiếu	Tên công ty	Giá tham chiếu ngày 5/4/2017	EPS cơ bản	P/E
SSM	Công ty Cổ phần Chế tạo Kết cấu Thép VNECO.SSM	17.400	2.280	7.63
TDS	Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel	13.500	2.850	4.74
TNB	Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	6.900	800	8.63
HGM	Công ty cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	34.200	1.420	24.08
DNY	Công ty Cổ phần Thép Dana	6.900	720	9.58
	Trung bình			10.93

(Nguồn: báo cáo tài chính các Công ty đăng trên website hnx.vn; hsx.vn)

Giá cổ phiếu theo phương pháp hệ số giá cổ phiếu mức sinh lời bình quân của mỗi cổ phần là

$$P = \text{EPS} \times \text{P/E bình quân}$$

$$= 697 \text{ đồng/cp} \times 10,93 = 7.617 \text{ đồng}$$

- **Phương pháp P/B**

Công thức tính: $P = BV \times P/B_{bq}$

Trong đó:

P: Giá trị 1 cổ phiếu theo phương pháp P/B

BV: Giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu

P/B_{bq} : được tính dựa trên tổng hợp P/B cơ bản của một số công ty trong ngành có nhiều sự tương đồng với Thanh Nam Group đang niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Bảng 28: P/B bình quân của doanh nghiệp cùng ngành

Mã cổ phiếu	Tên công ty	Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2016	Số liệu cổ phiếu đang lưu hành	Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu (đồng)	Giá tham chiếu ngày 5/4/2017	P/B
SSM	Công ty Cổ phần Chế tạo Kết cấu Thép	88.790.451.176	4.947.477	17.950	17.400	0.97

	VNECO.SSM					
TDS	Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel	215.925.818.366	12.225.393	17.660	13.500	0.76
TNB	Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	178.625.593.082	11.478.991	15.560	6.900	0.44
HGM	Công ty cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	212.099.027.329	11.920.720	17.790	34.200	1.92
DNY	Công ty Cổ phần Thép Dana	349.187.931.407	26.999.517	12.930	6.900	0.53
P/B Trung bình						0.93

(Nguồn: báo cáo tài chính các Công ty đăng trên website hnx.vn; hsx.vn)

Giá cổ phiếu theo phương pháp hệ số giá cổ phiếu trên giá trị sổ sách của mỗi cổ phần là

$$P = BV \times P/B \text{ bình quân}$$

$$= 11.726 \times 0,93$$

$$= 10.867 \text{ đồng/cổ phần}$$

Căn cứ các phương pháp tính giá trên, mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu TNI trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sẽ do Hội đồng quản trị thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm niêm yết. Công ty đề xuất mức giá niêm yết dự kiến của cổ phiếu TNI tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ở mức 10.900 đồng/cổ phiếu – tương đương với giá trị sổ sách của cổ phiếu tại thời điểm ngày 31/12/2016 sau khi chiết khấu 7% do cổ phiếu chưa được giao dịch trên thị trường tập trung, ngang bằng với giá cổ phiếu tính theo phương pháp P/B.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ của Thành Nam Group không quy định cụ thể tỷ lệ nắm giữ đối với cổ đông là người nước ngoài. Vì vậy cổ đông là người nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phần của Công ty theo quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tuân theo quy định hiện hành tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, theo đó

ngành nghề kinh doanh của Thành Nam Group thuộc danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện tại phụ lục số 04 Luật đầu tư, tỷ lệ nắm sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty tối đa là 49%.

Tại thời điểm 20/02/2017, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0%.

8. Các loại thuế liên quan

• Thuế liên quan đến tổ chức niêm yết chứng khoán

- Thuế GTGT: Theo Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ tài chính “Hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế GTGT”, mức thuế suất mà công ty hiện đang áp dụng là: 5% đối với phân bón và 10% đối với hóa chất; và các hàng hóa khác theo quy định của pháp luật.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp”, mức thuế công ty đang áp dụng cho năm 2012 – 2015 là 22%, kể từ ngày 01/01/2016 thì mức thuế được áp dụng là 20%.
- Các loại thuế khác (thuế môn bài, thuế thuê đất, thuế thu nhập cá nhân): Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật)

• Thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán

Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân quy định:

➤ **Thu nhập tính thuế:** Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ giá mua, các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng.

- *Giá bán chứng khoán được xác định như sau:*

- + Đối với chứng khoán niêm yết: giá bán chứng khoán là giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường chứng khoán tại thời điểm bán. Giá thị trường tại thời điểm bán là giá khớp lệnh do Sở giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán công bố.
- + Đối với chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết nhưng đã thực hiện đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thì giá bán chứng khoán là giá chuyển nhượng thực tế tại Trung tâm giao dịch chứng khoán.
- + Đối với chứng khoán của các công ty không thuộc các trường hợp nêu trên thì giá bán chứng khoán là giá chuyển nhượng ghi trên hợp đồng chuyển nhượng hoặc giá theo sổ sách kế toán của đơn vị có chứng khoán được chuyển nhượng tại thời điểm bán.

- + Trường hợp hợp đồng chuyển nhượng không quy định giá chuyển nhượng hoặc giá chuyển nhượng trên hợp đồng không phù hợp với giá thị trường thì cơ quan thuế có quyền ấn định giá chuyển nhượng theo qui định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật.
- *Giá mua chứng khoán được xác định như sau:*
 - + Đối với chứng khoán niêm yết: giá mua chứng khoán là giá thực tế mua tại Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm giao dịch chứng khoán.
 - + Đối với chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết nhưng đã thực hiện đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thì giá mua chứng khoán là giá thực tế mua tại Trung tâm giao dịch chứng khoán.
 - + Đối với chứng khoán mua thông qua đấu giá thì giá mua là giá trúng đấu giá.
 - + Đối với chứng khoán không thuộc các trường hợp nêu trên: Giá mua chứng khoán là giá ghi trên hợp đồng chuyển nhượng hoặc giá theo sổ sách kế toán của đơn vị có chứng khoán tại thời điểm mua.
 - + Trường hợp trên hợp đồng không quy định giá mua hoặc giá mua cao hơn giá theo sổ sách kế toán của đơn vị có chứng khoán tại thời điểm mua không phù hợp với giá thị trường thì cơ quan thuế có quyền ấn định giá mua.
- *Các chi phí hợp lệ được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với chuyển nhượng chứng khoán là các khoản chi phí thực tế phát sinh của hoạt động chuyển nhượng chứng khoán có hoá đơn, chứng từ theo chế độ quy định bao gồm:*
 - + Chi phí để làm các thủ tục pháp lý cần thiết cho việc chuyển nhượng;
 - + Các khoản phí và lệ phí người chuyển nhượng nộp ngân sách nhà nước khi làm thủ tục chuyển nhượng;
 - + Phí lưu ký chứng khoán theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và chứng từ thu của công ty chứng khoán;
 - + Phí uỷ thác chứng khoán căn cứ vào chứng từ thu của đơn vị nhận uỷ thác;
 - + Các khoản chi phí khác có chứng từ chứng minh.
- ***Thuế suất và cách tính thuế:***

Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20%. Cá nhân áp dụng thuế suất 20% đối với chuyển nhượng chứng khoán phải đáp ứng các yêu cầu sau:

 - Đăng ký phương pháp nộp thuế theo mẫu số 15/ĐK-TNCN với cơ quan thuế trực tiếp quản lý công ty chứng khoán mà cá nhân đăng ký giao dịch hoặc Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú. Thời hạn đăng ký được thực hiện như sau:
 - + Năm 2009: cá nhân kinh doanh chứng khoán phải đăng ký ngay từ đầu năm, thời hạn đăng ký chậm nhất là ngày 31 tháng 3 năm 2009.

- + Từ năm 2010 trở đi cá nhân kinh doanh chứng khoán phải đăng ký chậm nhất là ngày 31 tháng 12 của năm trước.
- Thực hiện đăng ký thuế và có mã số thuế.
- Thực hiện chế độ kế toán hoá đơn chứng từ, xác định được thu nhập tính thuế từ việc chuyển nhượng chứng khoán theo quy định.
- Việc áp dụng thuế suất 20% phải tính trên tổng các loại chứng khoán đã giao dịch trong năm dương lịch.
- Cách tính thuế thu nhập cá nhân phải nộp như sau:

$$\text{Thuế thu nhập cá nhân phải nộp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất 20\%}$$

Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0.1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Cách tính thuế phải nộp như sau:

$$\text{Thuế thu nhập cá nhân phải nộp} = \text{Giá chuyển nhượng} \times \text{Thuế suất 0,1\%}$$

➤ ***Thời điểm xác định thu nhập tính thuế***

Thời điểm xác định thu nhập tính thuế từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết là thời điểm Trung tâm giao dịch hoặc Sở giao dịch chứng khoán công bố giá thực hiện.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết nhưng đã thực hiện đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán là thời điểm Trung tâm giao dịch công bố giá thực hiện.
- Đối với chứng khoán không thuộc trường hợp nêu trên là thời điểm hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán có hiệu lực. Trường hợp không có hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán thì thời điểm tính thuế là thời điểm đăng ký chuyển tên sở hữu chứng khoán.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ (PSI)

Trụ sở chính:

- Địa chỉ: 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Tp.Hà Nội
- Điện thoại: 04.3934 3888
- Fax: 04.3934 3999
- Website: www.psi.vn

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:

- Địa chỉ: 24-26, Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM
- Điện thoại: 08.3914 6789 Fax: 08.3914 6969

Chi nhánh Đà Nẵng

- Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà 53 Lê Hồng Phong, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
- Điện thoại: 0511. 3899338 Fax: 0511. 3899338

Chi nhánh Vũng Tàu

- Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà Silver Sea, 47 Ba Cu, Thành phố Vũng Tàu
- Điện thoại: 064.6254520 Fax: 064.6254521

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA

- Địa chỉ: 82 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại: 043 755 7446 Fax: 043 755 7448
- Website: www.uhyaca.vn

VII. PHỤ LỤC

- Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Phụ lục II:** Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Tập đoàn Thành Nam;
- Phụ lục III:** BCTC kiểm toán năm 2015, 2016, Quý I/2017

Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2017

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Hùng Cường

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đỗ Thị Thanh Hương

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Lê Thị Cẩm Anh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hà Thị Hải Vân

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2017

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ
TUQ. CHỦ TỊCH HĐQT
PHÓ GIÁM ĐỐC

